



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 13 + 14

Ngày 15 tháng 02 năm 2021

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 21-12-2020- Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ban hành giá thóc thu thuế sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố. 3
- 31-12-2020- Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND về ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 6

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 24-11-2020- Quyết định số 4309/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản. 36
- 31-12-2020- Quyết định số 4855/QĐ-UBND về việc bãi bỏ chỉ thị của Ủy ban nhân dân Thành phố. 38

- 06-01-2021- Chỉ thị số 01/CT-UBND về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021. 40
- 18-01-2021- Quyết định số 203/QĐ-UBND phê duyệt Đề án phát triển hệ thống cấp nước Thành phố giai đoạn 2020 - 2050 và Chương trình cung cấp nước sạch và chấm dứt khai thác nước ngầm Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2030. 48
- 22-01-2021- Chỉ thị số 02/CT-UBND về việc phát động phong trào thi đua yêu nước năm 2021. 65
- 22-01-2021- Chỉ thị số 03/CT-UBND về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. 71

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33/2020/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành giá thóc thu thuế sử dụng đất nông nghiệp
trên địa bàn Thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1993;

Căn cứ Nghị định số 74/CP ngày 25 tháng 10 năm 1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 8049/TTr-STC-QLG ngày 15 tháng 12 năm 2020 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 5758/STP-VB ngày 10 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá thóc thu thuế sử dụng đất nông nghiệp và đối tượng áp dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

1. Giá thóc: **5.500 đồng/kg** (*Năm ngàn năm trăm đồng/kg*).

2. Đối tượng áp dụng:

Đối tượng nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp; đối tượng được miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp: được xác định theo quy định pháp luật của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 2. Hiệu lực thi hành:

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Cục Thuế Thành phố

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn Chi cục thuế các quận - huyện triển khai thực hiện quyết định này.

- Định kỳ vào Quý IV hàng năm, trên cơ sở rà soát tình hình thực tế (*số thu thuế, diện tích đất sử dụng...*) và tham khảo giá thóc thu thuế sử dụng đất nông nghiệp tại các tỉnh thành lân cận, có ý kiến cụ thể về giá thóc thu thuế hàng năm gửi Sở Tài chính tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định về việc ban hành giá thóc thu thuế trên địa bàn Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm căn cứ Quyết định này triển khai thông báo đồng loạt trên địa bàn quản lý về giá thóc thu thuế sử dụng đất nông nghiệp.

3. Sở Tài chính hàng năm chủ trì, phối hợp với Cục Thuế Thành phố và các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định về việc ban hành giá thóc thu thuế sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Cục trưởng Cục Thuế Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện trên

địa bàn Thành phố và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Phong

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/2020/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
**Về ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về Thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 8462/TTr-SXD-HTKT, ngày 27 tháng 7 năm 2020 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 10628/STP-VB ngày 22 tháng 12 năm 2016 và công văn số 2517/STP-VB ngày 28 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này quy định về quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021 và thay thế Quyết định số 185/2006/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý, bảo vệ công trình thoát nước công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hòa Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về quản lý hoạt động thoát nước
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND,
ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định về hoạt động thoát nước tại các khu đô thị; các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp); khu dân cư nông thôn tập trung; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động thoát nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Các nội dung khác liên quan đến hoạt động thoát nước không nêu tại quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động thoát nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Quy định này không áp dụng đối với hệ thống sông, kênh rạch phục vụ cho giao thông thủy, thủy lợi.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Hoạt động thoát nước* là các hoạt động về quy hoạch, thiết kế, đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

2. *Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải* (gọi tắt là dịch vụ thoát nước) là các hoạt động về quản lý, vận hành hệ thống thoát nước nhằm đáp ứng yêu cầu thoát nước mưa, nước thải và xử lý nước thải theo các quy định của Pháp luật.

3. *Chi phí dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải* (gọi tắt là chi phí dịch vụ thoát nước) là các chi phí để thực hiện các nhiệm vụ thu gom, tiêu thoát nước mưa và thu gom, xử lý nước thải tại khu vực có dịch vụ thoát nước.

4. *Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải* (gọi tắt là giá dịch vụ thoát nước) là toàn bộ chi phí sản xuất được tính đúng, tính đủ và mức lợi nhuận hợp lý cho một mét khối nước thải (1m^3) để thực hiện các nhiệm vụ thoát nước và xử lý nước thải.

5. *Đơn vị thoát nước* là tổ chức cung ứng dịch vụ quản lý, vận hành hệ thống thoát nước (bao gồm cả bảo trì các công trình của hệ thống thoát nước) theo hợp đồng quản lý vận hành.

6. *Hộ thoát nước* là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong nước, nước ngoài sinh sống và hoạt động trên địa bàn Thành phố xả nước thải vào hệ thống thoát nước.

7. *Nước thải* là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất do sử dụng hoặc do các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác của con người xả vào hệ thống thoát nước hoặc ra môi trường.

8. *Nước thải sinh hoạt* là nước thải ra từ các hoạt động sinh hoạt của con người như ăn uống, tắm giặt, vệ sinh cá nhân...

9. *Nước thải khác* là nước đã qua sử dụng mà không phải là nước thải sinh hoạt.

10. *Hệ thống thoát nước, công trình thoát nước* là sản phẩm gồm mạng lưới thoát nước (đường ống, cống rãnh hoặc kênh mương thoát nước, hồ điều hòa và các công trình trên đó để thu, thoát nước), các công trình kiểm soát triều, các trạm bơm thoát nước mưa, nước thải, các công trình xử lý nước thải và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, chuyển tải, tiêu thoát nước mưa, nước thải, chống ngập úng và xử lý nước thải. Hệ thống thoát nước được chia làm các loại sau đây:

- Hệ thống thoát nước chung là hệ thống trong đó nước thải, nước mưa được thu gom trong cùng một hệ thống;

- Hệ thống thoát nước riêng là hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt;

- Hệ thống thoát nước nửa riêng là hệ thống thoát nước chung có giếng tràn tách nước để tách nước thải về tuyến cống bao đưa về nhà máy xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận (sông, kênh, rạch...).

11. *Mạng lưới thoát nước* là hệ thống đường ống, cống rãnh hoặc kênh mương thoát nước, hồ điều hòa và các công trình trên đó để thu, thoát nước cho một khu vực nhất định, được phân làm 03 cấp chính như sau:

- Mạng lưới thoát nước cấp 1: là hệ thống sông, kênh chính tự nhiên tiêu thoát nước cho khu vực, hoặc vùng;

- Mạng lưới thoát nước cấp 2: là hệ thống cống, kênh mương thu gom nước từ Mạng lưới thoát nước cấp 3 và chuyển tải đến Mạng lưới thoát nước cấp 1;

- Mạng lưới thoát nước cấp 3: là hệ thống cống, kênh mương thu gom nước thải, nước mưa (từ hộ thoát nước, các hố ga mặt đường) và chuyển tải đến Mạng lưới thoát nước cấp 2.

12. *Hệ thống thoát nước mưa* bao gồm mạng lưới đường ống, cống, kênh rạch có chức năng thoát nước, hồ điều hòa, rãnh đường, mương thu gom và chuyển tải, các công trình kiểm soát triều, các trạm bơm nước mưa, cửa thu, cửa xả, giếng thu nước mưa, lưới chắn rác, các phay ngăn triều và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom và tiêu thoát nước mưa.

13. *Hệ thống thoát nước thải* bao gồm mạng lưới cống, cống bao, giếng tách dòng (CSO), lưới chắn rác, đường ống thu gom và chuyển tải nước thải, trạm bơm nước thải, nhà máy xử lý nước thải, cửa xả nước thải và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, tiêu thoát và xử lý nước thải.

14. *Cống bao* là tuyến cống chuyển tải nước thải từ các giếng tách nước thải để thu gom toàn bộ nước thải khi không có mưa và một phần nước thải đã được hòa trộn khi có mưa trong hệ thống thoát nước chung từ các lưu vực khác nhau và chuyển tải đến trạm bơm hoặc nhà máy xử lý nước thải.

15. *Hồ điều hòa* là các hồ tự nhiên hoặc nhân tạo có chức năng tiếp nhận nước mưa và điều hòa tiêu thoát nước cho hệ thống thoát nước.

16. *Điểm đầu nối* là các điểm xả nước của các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước thông qua các hộp đầu nối (các hố ga thu gom nước của các hộ dân).

17. *Hộp đấu nổi* được xác định nằm trên tuyến thu gom của hệ thống thoát nước tại vị trí điểm đấu nổi và đặt trên phần đất công sát ranh giới giữa phần đất công và đất tư của mỗi hộ thoát nước.

18. *Điểm xả* là nơi xả nước từ hệ thống thoát nước ra nguồn tiếp nhận.

19. *Lưu vực thoát nước* là một khu vực nhất định mà nước mưa hoặc nước thải được thu gom vào mạng lưới thoát nước chuyển tải về nhà máy xử lý nước thải hoặc xả ra nguồn tiếp nhận.

20. *Nguồn tiếp nhận* là các nguồn nước chảy thường xuyên hoặc định kỳ như sông suối, kênh rạch, ao hồ, đầm phá, biển, các tầng chứa nước dưới đất.

21. *Quy hoạch chuyên ngành thoát nước và xử lý nước thải* (gọi tắt là quy hoạch thoát nước) là việc xác định các lưu vực thoát nước (nước mưa, nước thải), phân vùng thoát nước thải; dự báo tổng lượng nước mưa, nước thải; xác định nguồn tiếp nhận; xác định vị trí, quy mô của mạng lưới thoát nước, các công trình đầu mối thoát nước và xử lý nước thải (như trạm bơm, nhà máy xử lý nước thải, cửa xả).

22. *COD* (Viết tắt của cụm từ Chemical Oxygen Demand) là lượng oxy cần thiết để oxy hóa các hợp chất hóa học trong nước bao gồm cả vô cơ và hữu cơ.

23. *Bùn thải* là bùn hữu cơ hoặc vô cơ được nạo vét, thu gom từ hệ thống thoát nước và bề tự hoại.

24. *Nhà máy/trạm xử lý nước thải tập trung khu/cụm công nghiệp* có nhiệm vụ xử lý nước thải của toàn bộ các đơn vị/hộ thoát nước trong khu/cụm công nghiệp, là tập hợp các công trình tiếp nhận, xử lý nước thải từ các đơn vị/hộ thoát nước trong khu/cụm công nghiệp đạt yêu cầu kỹ thuật và môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

25. *Nhà máy/trạm xử lý nước thải đô thị tập trung* là Nhà máy/trạm có nhiệm vụ xử lý nước thải của một lưu vực, một số lưu vực hay toàn bộ nước thải của đô thị đạt yêu cầu kỹ thuật và môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

26. *Trạm xử lý nước thải cục bộ* của từng đơn vị hay xí nghiệp là trạm xử lý riêng của đơn vị hay xí nghiệp.

27. *Cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước* là tập hợp các dữ liệu hệ thống thoát nước (gồm hồ sơ hoàn thành công trình, các thông tin quy hoạch, hiện trạng, lý lịch hệ thống thoát nước) được thu thập, sắp xếp, tổ chức xây dựng, lưu trữ để truy cập, khai thác, quản lý.

28. *Chỉ giới đường đỏ* là đường ranh giới được xác định trên bản đồ quy hoạch và thực địa để phân định ranh giới giữa phần đất được xây dựng công trình và phần đất được dành cho đường giao thông hoặc công trình hạ tầng kỹ thuật, không gian công cộng khác.

29. *Chỉ giới xây dựng* là đường giới hạn cho phép xây dựng công trình chính trên thửa đất.

30. *Cốt xây dựng* là cao độ xây dựng tối thiểu bắt buộc phải tuân thủ được chọn phù hợp với quy hoạch về cao độ nền và thoát nước mưa.

31. *Chủ sở hữu công trình* là cá nhân, tổ chức có quyền sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.

32. *Người quản lý, sử dụng công trình* là chủ sở hữu trong trường hợp chủ sở hữu trực tiếp quản lý, sử dụng công trình hoặc là người được chủ sở hữu công trình ủy quyền quản lý, sử dụng công trình trong trường hợp chủ sở hữu không trực tiếp quản lý, sử dụng công trình.

33. *Quản lý vận hành hệ thống thoát nước* là thực hiện các công việc quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống thoát nước.

34. *Bảo trì công trình* là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng. Nội dung bảo trì công trình xây dựng có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: Kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình.

35. *Quy trình bảo trì công trình* là tài liệu quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình xây dựng.

Điều 3. Chủ sở hữu công trình thoát nước

1. Ủy ban nhân dân Thành phố là chủ sở hữu hoặc ủy quyền, phân cấp cho Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (trực thuộc Sở Xây dựng), Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã và các cơ quan khác là chủ sở hữu công trình thoát nước, bao gồm:

a) Công trình thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Công trình thoát nước nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới;

c) Công trình thoát nước nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình thoát nước có thời hạn.

2. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp là chủ sở hữu hệ thống thoát nước thuộc khu đô thị mới, khu công nghiệp do mình quản lý đến khi bàn giao theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư hoặc đến khi bàn giao cho chủ sở hữu theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chương II

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 4. Chủ đầu tư công trình thoát nước

1. Ủy ban nhân dân theo phân cấp quản lý hoặc chủ đầu tư (do người quyết định đầu tư quyết định theo quy định tại điều 7 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014) là chủ đầu tư xây dựng các công trình thoát nước trên địa bàn Thành phố.

2. Công trình thoát nước do cộng đồng đóng góp, đại diện chủ đầu tư do cộng đồng quyết định.

3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật và người quyết định đầu tư trong phạm vi các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật Xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước

1. Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước bao gồm các giải pháp, phương án đầu tư, công việc cụ thể nhằm bảo đảm tiêu thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải, nâng cao chất lượng dịch vụ.

2. Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước phải phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch thoát nước đã được phê duyệt và có sự phối hợp với các ngành, địa phương liên quan.

3. Trách nhiệm lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước:

a) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn Thành phố;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng thẩm định kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

Điều 6. Nguồn vốn đầu tư

Hệ thống thoát nước các khu đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng một phần hoặc toàn bộ hệ thống thoát nước phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch thoát nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước phải tuân theo các quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước, xử lý nước thải và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tùy theo đặc điểm, quy mô dự án, chủ đầu tư khi tổ chức nghiên cứu, lập dự án đầu tư xây dựng các công trình thoát nước có tính chất tập trung, giải quyết một cách cơ bản các vấn đề thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải đô thị phải thực hiện:

a) Tổ chức điều tra, khảo sát xã hội học, tham vấn cộng đồng đánh giá thực trạng mức sống, khả năng và sự sẵn sàng đầu nối, thực hiện nghĩa vụ chi trả chi phí dịch vụ thoát nước của người dân khu vực dự án; đồng thời để người dân được biết các thông tin về dự án, chất lượng dịch vụ được hưởng sau khi dự án hoàn thành, tham gia vào quá trình ra quyết định và giám sát thực hiện;

b) Việc lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ và quy mô công suất, xác định tổng mức đầu tư của dự án phải được xem xét một cách đồng bộ với chi phí quản lý, vận hành để bảo đảm hiệu quả kinh tế tổng hợp của dự án;

c) Dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước phải thực hiện đồng bộ từ xây dựng nhà máy xử lý nước thải, mạng lưới thu gom, chuyển tải nước thải đến hộp đấu nối trên toàn bộ phạm vi phục vụ của hệ thống thoát nước.

Điều 8. Chính sách ưu đãi và hỗ trợ về đầu tư

1. Khuyến khích, thu hút đầu tư theo các hình thức đối tác công tư (PPP), mở rộng hình thức nhà nước và nhân dân cùng làm; khuyến khích, vinh danh các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp. Đổi mới, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư nước ngoài; tranh thủ tối đa các nguồn viện trợ phi chính phủ (NGO); vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); vốn vay ưu đãi và các nguồn hợp pháp khác.

2. Các dự án thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung do các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng được hỗ trợ:

a) Được hưởng ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật;

b) Được hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào bằng nguồn vốn của ngân sách địa phương;

c) Các ưu đãi, hỗ trợ khác theo các quy định hiện hành.

Chương III

QUẢN LÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 9. Lựa chọn đơn vị thoát nước

1. Đối với hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước, việc lựa chọn đơn vị thoát nước tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành về cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp tổ chức quản lý, vận hành hệ thống thoát nước do mình đầu tư đến khi bàn giao cho các chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước được quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Quy định này.

3. Đơn vị thoát nước phải có nhân lực, trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật cần thiết để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ của công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước mưa và nước thải.

4. Chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước tổ chức lựa chọn đơn vị thoát nước cho địa bàn do mình quản lý.

Điều 10. Quyền và trách nhiệm, nghĩa vụ của đơn vị thoát nước

1. Đơn vị thoát nước có các quyền sau đây:

a) Hoạt động kinh doanh theo các quy định của pháp luật, được thanh toán đúng và đủ chi phí dịch vụ thoát nước theo hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước (bao gồm cả bảo trì các công trình của hệ thống thoát nước) đã ký kết;

b) Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải;

c) Tham gia ý kiến vào việc lập quy hoạch thoát nước trên địa bàn;

d) Được bồi thường thiệt hại do các bên liên quan gây ra theo quy định của pháp luật;

đ) Được đề xuất các kế hoạch, quy hoạch, cải tạo, mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm và nghĩa vụ sau đây:

a) Quản lý, bảo vệ tài sản được đầu tư từ nguồn vốn của chủ sở hữu/người quản lý, sử dụng công trình thoát nước thải theo hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đã ký kết;

b) Tổ chức triển khai thực hiện quy trình quản lý, vận hành hệ thống thoát nước;

c) Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

d) Xây dựng cập nhật dữ liệu thoát nước và các số liệu số hóa bản đồ về quản lý đầu nổi và bàn giao cho chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước;

đ) Phối hợp cung cấp thông tin hệ thống thoát nước cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu;

e) Bảo vệ an toàn, hiệu quả và tiết kiệm trong quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo quy định;

g) Bảo đảm duy trì ổn định dịch vụ thoát nước cho chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước, các hộ thoát nước cả về tiến độ, chất lượng và số lượng theo đúng hợp đồng dịch vụ đã ký theo quy định;

h) Báo cáo, kiến nghị với chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước, Sở Xây dựng xử lý các vi phạm của tổ chức, cá nhân gây ảnh hưởng thiệt hại tới hoạt động thoát nước;

i) Báo cáo theo quy định đến chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước, Sở Xây dựng và Trung ương khi được yêu cầu;

k) Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên sử dụng theo quy định pháp luật;

l) Kiểm tra, đánh giá định kỳ và đột xuất tình trạng hoạt động của hệ thống thoát nước, đảm bảo việc thu gom, xử lý và xả nước vào môi trường theo thỏa thuận; sửa chữa kịp thời, đề xuất phương án thay thế sửa chữa các hư hỏng; kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi lấn chiếm, xâm hại hệ thống thoát nước, xử lý các sự cố, đảm bảo việc thoát nước và xử lý nước thải. Báo cáo đầy đủ thông tin cho chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước và Sở Xây dựng;

m) Hỗ trợ việc hướng dẫn xây dựng đúng quy cách đường ống nối từ các hộ thoát nước ra đến điểm đầu nối kể cả chất lượng vật liệu và kỹ thuật thi công công trình;

n) Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, phản ánh và khiếu nại có liên quan đến dịch vụ thoát nước theo quy định của pháp luật;

o) Theo dõi, xác định nguyên nhân và xử lý kịp thời các tình trạng ngập, đảm bảo tiêu thoát nước và cảnh báo tình huống gây ngập liên quan đến hệ thống thoát nước được giao quản lý;

p) Dự báo, ước tính các kinh phí cần thiết trong việc vận hành bảo dưỡng, nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước đáp ứng nhu cầu tiêu thoát nước trong quá trình quản lý vận hành;

q) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quy định về xả nước thải tại điểm đầu nối

1. Đối với nước thải sinh hoạt: Các hộ thoát nước được phép xả nước thải trực tiếp vào hệ thống thoát nước tại điểm đầu nối.

2. Đối với các loại nước thải khác: Các hộ thoát nước phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật theo quy định tại Điều 4, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP trước khi xả vào điểm đầu nối và theo các quy định về đầu nối và thỏa thuận đầu nối.

Điều 12. Quản lý bùn thải

Ngoài việc tổ chức quản lý bùn thải theo quy định tại Điều 25, Nghị định 80/2014/NĐ-CP, chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước khi thực hiện duy tu, nạo vét hệ thống thoát nước phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường, về quản lý chất thải; lập kế hoạch cụ thể về thời gian thi công, biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo trật tự, an toàn giao thông và bảo đảm vệ sinh môi trường trước khi tiến hành nạo vét gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận, huyện theo phân cấp để phối hợp quản lý;

b) Bùn thải phải để vào thùng kín, không được để rò rỉ ra ngoài và phải vận chuyển về đúng nơi quy định. Nghiêm cấm để chất thải qua đêm trên đường phố;

c) Vận chuyển bùn thải từ hệ thống thoát nước bằng phương tiện chuyên dùng, không được để rơi vãi khi lưu thông trên đường giao thông công cộng;

d) Khi duy tu, nạo vét hệ thống thoát nước phải có phương án đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông (thực hiện các biện pháp cần thiết như đặt tín hiệu, biển báo công trình,...);

đ) Hạn chế tổ chức nạo vét vào các giờ cao điểm (*sáng từ 6 giờ đến 9 giờ và chiều 16 giờ đến 19 giờ*) trên các tuyến đường chính của Thành phố theo quy định Sở Giao thông Vận tải đăng tải công khai tại <http://sgtvt.hochiminhcity.gov.vn/> của Sở Giao thông Vận tải.

Điều 13. Quy định về xử lý nước thải tập trung và phi tập trung

1. Xử lý nước thải tập trung

a) Nước thải đô thị phải được thu gom vào hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung để tiết kiệm chi phí xây dựng vận hành nhà máy xử lý đồng thời đảm bảo việc kiểm soát mức độ ô nhiễm của nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận;

b) Nước thải đô thị của các công trình xây dựng nằm trong khu vực có hệ thống xử lý nước thải tập trung được đấu nối vào hệ thống thoát nước công cộng kết nối với hệ thống xử lý này;

c) Các khu vực xử lý nước thải tập trung là các khu vực thuộc các lưu vực xử lý nước thải theo quy hoạch được duyệt.

2. Xử lý nước thải phi tập trung

a) Các khu vực còn lại, nằm ngoài lưu vực xử lý nước thải tập trung mà không có khả năng hoặc chưa thể kết nối với hệ thống thoát nước tập trung sẽ phát triển hệ thống thu gom và xử lý nước thải theo từng cụm dân cư nhỏ. Nước thải sinh hoạt sau xử lý phải đạt theo quy chuẩn quy định;

b) Nước thải sản xuất từ tiểu thủ công nghiệp, hộ gia đình xen cài trong khu dân cư phải đạt chất lượng theo quy chuẩn quy định trước khi xả vào hệ thống thoát nước để thu gom, xử lý chung với nước thải sinh hoạt;

c) Nước thải công nghiệp không đưa về các nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt, phải được xử lý riêng trong từng khu công nghiệp và đạt chất lượng theo quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận hoặc hệ thống thoát nước;

d) Việc quản lý xử lý nước thải phi tập trung được thực hiện theo Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và các quy định khác có liên quan.

Điều 14. Hợp đồng quản lý, vận hành

1. Các chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước và các đơn vị thoát nước phải thực hiện ký kết hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo quy định.

2. Nội dung cơ bản của hợp đồng quản lý, vận hành thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và được hướng dẫn cụ thể tại Phụ lục 1 của Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

3. Chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước có trách nhiệm quy định trách nhiệm xây dựng cập nhật dữ liệu thoát nước và các số liệu số hóa bản đồ của đơn vị thoát nước theo quy định tại Điểm d, Khoản 2 Điều 10 của Quy định này.

Điều 15. Quản lý vận hành hệ thống thoát nước mưa

Ngoài việc tổ chức quản lý hệ thống thoát nước mưa theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước có trách nhiệm thực hiện:

1. Cập nhật, thống kê đầy đủ các số liệu quản lý sau:

a) Tình hình ngập và số điểm ngập trên địa bàn quản lý;

b) Bản đồ lưu vực thoát nước; bản đồ hiện trạng hệ thống thoát nước (kích thước, hướng tuyến, cao độ,...);

c) Hồ sơ quản lý tài sản hệ thống thoát nước được giao quản lý;

d) Khối lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống thoát nước.

2. Xây dựng quy trình quản lý vận hành hệ thống thoát nước mưa bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành.

3. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác quản lý vận hành hệ thống thoát nước mưa và đề xuất phương án thay thế, sửa chữa (nếu có). Dự báo, ước tính các kinh phí cần thiết trong việc vận hành bảo dưỡng, nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước.

4. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng hệ thống thoát nước đáp ứng nhu cầu tiêu thoát nước và để bảo đảm hiệu quả hoạt động của hệ thống.

5. Phối hợp, triển khai đồng bộ kế hoạch nạo vét mùa khô (bắt đầu từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau), đảm bảo hiệu quả thoát nước của toàn bộ hệ thống trong mùa mưa.

6. Trong trường hợp hệ thống thoát nước là hệ thống thoát nước chung thì việc quản lý hệ thống thoát nước được thực hiện như quy định tại Điều này và Điều 17 của Quy định này.

7. Rà soát, xây dựng hoàn thiện định mức, đơn giá đối với công tác quản lý vận hành hệ thống thoát nước.

8. Báo cáo Sở Xây dựng định kỳ 6 tháng/lần và đột xuất về công tác quản lý vận hành, bảo trì và các nội dung tại Khoản 1 điều này.

Điều 16. Quản lý vận hành hệ thống hồ điều hòa

Ngoài việc tổ chức quản lý hồ điều hòa theo quy định tại Điều 21, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước có trách nhiệm thực hiện:

1. Đề xuất các phương án phát triển mạng lưới hồ điều hòa phù hợp với quy hoạch để giảm tải cho hệ thống thoát nước trong điều kiện biến đổi khí hậu.

2. Kiểm soát chặt chẽ theo quy định các nguồn xả nước thải sinh hoạt và nước thải sinh ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh dịch vụ trực tiếp vào hồ điều hòa.

3. Xây dựng quy trình quản lý vận hành hồ điều hoà bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành.

4. Kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất việc khai thác, sử dụng hồ điều hoà để đảm bảo chức năng điều hoà nước mưa và cảnh quan đô thị.

5. Rà soát, xây dựng hoàn thiện định mức, đơn giá đối với công tác quản lý vận hành hồ điều hoà.

6. Báo cáo Sở Xây dựng định kỳ 6 tháng/lần và đột xuất về công tác quản lý vận hành, bảo trì và các nội dung tại điều này.

Điều 17. Quản lý vận hành hệ thống thoát nước thải

Ngoài việc tổ chức quản lý hệ thống thoát nước thải theo quy định tại điều 22, Nghị định 80/2014/NĐ-CP, chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước có trách nhiệm thực hiện:

1. Xây dựng quy trình quản lý hệ thống thoát nước thải và Nhà máy/trạm xử lý nước thải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành.

2. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác quản lý vận hành hệ thống thoát nước thải và đề xuất phương án thay thế, sửa chữa (nếu có). Dự báo, ước tính các chi phí cần thiết trong việc vận hành bảo dưỡng, nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước thải và Nhà máy/trạm xử lý nước thải.

3. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng hệ thống thoát nước thải và Nhà máy/trạm xử lý nước thải, đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý nước thải.

4. Rà soát, xây dựng hoàn thiện định mức, đơn giá đối với công tác quản lý vận hành hệ thống thoát nước thải và Nhà máy/trạm xử lý nước thải.

5. Tiêu chí đánh giá việc quản lý vận hành bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải:

a) Khối lượng nước thải được xử lý;

b) Chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn xả thải theo thiết kế;

c) Việc đảm bảo các yêu cầu về môi trường bên trong và ngoài khu vực nhà máy;

d) Chi phí quản lý vận hành, bảo trì thiết bị.

6. Báo cáo Sở Xây dựng định kỳ 6 tháng/lần và đột xuất về công tác quản lý vận hành, bảo trì hệ thống thu gom, Nhà máy/trạm xử lý nước thải.

Điều 18. Bảo trì công trình

1. Chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước lập kế hoạch bảo trì công trình xây dựng hằng năm trên cơ sở quy trình bảo trì được phê duyệt và hiện trạng công trình.

2. Nội dung chính của kế hoạch bảo trì công trình xây dựng bao gồm:

- a) Tên công việc thực hiện;
- b) Thời gian thực hiện;
- c) Phương thức thực hiện;
- d) Chi phí thực hiện.

3. Kế hoạch bảo trì có thể được sửa đổi, bổ sung trong quá trình thực hiện. Chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước quyết định việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình xây dựng.

4. Đối với các công trình chưa bàn giao được cho chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước, chủ đầu tư có trách nhiệm lập kế hoạch bảo trì công trình xây dựng và thực hiện việc bảo trì công trình xây dựng theo quy định. Chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao hồ sơ bảo trì công trình xây dựng cho chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước trước khi bàn giao công trình đưa vào khai thác, sử dụng.

5. Việc bảo trì công trình được tổ chức thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và các quy định khác có liên quan.

Điều 19. Trách nhiệm lập, quản lý khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước

1. Sở Xây dựng tổ chức hướng dẫn việc quản lý, khai thác sử dụng và cung cấp các thông tin về cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trên địa bàn Thành phố.

2. Chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước:

a) Tập hợp, sắp xếp, tổ chức xây dựng, lưu trữ các cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước (số hóa bản đồ hệ thống thoát nước) để truy cập, quản lý, khai thác sử dụng và cung cấp thông tin phục vụ công tác lập quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển, quản lý vận hành hệ thống thoát nước và thỏa thuận đấu nối thoát nước;

b) Cung cấp miễn phí thông tin về cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước của thành phố cho các hộ thoát nước, các chủ đầu tư trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản;

c) Thường xuyên rà soát, cập nhật các cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước mới sau khi hoàn thành và báo cáo để Sở Xây dựng có quyết định phân cấp quản lý kịp thời;

d) Báo cáo Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trong phạm vi quản lý theo định kỳ hàng năm và đột xuất theo yêu cầu;

đ) Thiết lập cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước, quản lý các hộ thoát nước đầu nối vào hệ thống thoát nước do mình quản lý và cung cấp cơ sở dữ liệu này về Sở Xây dựng.

3. Chủ đầu tư các công trình xây dựng có hệ thống thoát nước và xử lý nước thải có trách nhiệm bàn giao đầy đủ hồ sơ hoàn thành công trình; tài liệu hướng dẫn sử dụng, vận hành; quy định bảo trì công trình theo quy định hiện hành sau khi công trình/hạng mục công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng cho chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước để làm cơ sở quản lý.

Chương IV

ĐẦU NỐI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 20. Quy định chung

1. Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải là đối tượng phải đầu nối vào hệ thống thoát nước trừ những trường hợp được quy định về miễn trừ đầu nối tại Điều 22 Quy định này.

2. Tất cả các hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư đường ống thoát nước trong phạm vi khuôn viên phần đất tư của mình và đầu nối vào hộp đầu nối. Trường hợp chưa có hộp đầu nối thì các hộ thoát nước có trách nhiệm xây dựng khi thực hiện đầu nối và bàn giao lại cho các chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước theo phân cấp để quản lý.

3. Đối với trường hợp khu vực chưa có hệ thống thu gom nước thải cho các hộ thoát nước: Khi thực hiện đầu nối, chủ đầu tư, hộ thoát nước không được đầu nối trực tiếp vào hệ thống thoát nước chung mà phải xây dựng hộp đầu nối và hệ thống đường

ông thu gom (từ hộp đấu nối đến hố ga gần nhất của hệ thống thoát nước chung), sau đó có trách nhiệm bàn giao lại cho các chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước theo phân cấp để quản lý.

4. Riêng các dự án đầu tư xây dựng: thực hiện theo quy định tại Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng. Các công trình, hạng mục công trình thoát nước đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở hoặc đã được cấp phép xây dựng mà trong hồ sơ cấp phép xây dựng có thể hiện việc đấu nối công trình thoát nước thì được miễn thỏa thuận đấu nối.

5. Chủ đầu tư công trình thoát nước, hộ thoát nước đã có thỏa thuận đấu nối thoát nước do các chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước được quy định tại Điều 3 Quy định này thỏa thuận thì việc đào và tái lập lòng đường, lề đường, vỉa hè phải theo đúng quy định hiện hành về đào đường và tái lập mặt đường.

6. Chủ đầu tư công trình thoát nước, hộ thoát nước có trách nhiệm gửi thông báo khởi công cho cơ quan cấp phép đào đường trước khi khởi công đào đường, vỉa hè nhằm đảm bảo tính đồng bộ trong công tác quản lý cảnh quan, môi trường đô thị và đảm bảo thi công theo đúng thiết kế được duyệt.

Điều 21. Yêu cầu về cao độ của điểm đấu nối

1. Cao độ của điểm đấu nối phải thấp hơn cao độ các công trình của các hộ thoát nước nhằm đảm bảo độ dốc để nước từ hệ thống thoát nước công cộng không chảy ngược vào các hộ thoát nước.

2. Đường kính ống thoát nước từ các điểm xả đến điểm đấu nối tối thiểu là 90mm, ống sử dụng vật liệu uPVC hoặc HDPE và có độ dốc phù hợp để đảm bảo không bị tắc nghẽn.

Điều 22. Thỏa thuận và miễn trừ đấu nối

1. Thỏa thuận đấu nối là văn bản thỏa thuận giữa chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước theo phân cấp quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này và hộ thoát nước về vị trí đấu nối, các yêu cầu kỹ thuật của điểm đấu nối, thời điểm đấu nối, chất lượng, khối lượng nước thải xả vào điểm đấu nối.

2. Các trường hợp được miễn trừ đấu nối vào hệ thống thoát nước gồm:

a) Gần nguồn tiếp nhận mà chất lượng nước thải bảo đảm yêu cầu vệ sinh môi trường và việc đấu nối vào hệ thống thoát nước chung có thể gây những gánh nặng bất hợp lý về kinh tế cho hộ thoát nước theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Tại địa bàn hoặc khu vực chưa có mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước tập trung.

Chương V

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 23. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu, giúp cho Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố;

b) Xem xét ban hành quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định phân cấp quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống thoát nước. Nguyên tắc phân cấp quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống thoát nước theo chức năng, lưu vực nhằm đảm bảo công tác quản lý được xuyên suốt, khai thác tối đa, đảm bảo phát huy hiệu quả thoát nước cao nhất, tránh trùng lắp, chồng chéo;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố;

d) Hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo tình hình quy hoạch về thoát nước, kế hoạch đầu tư phát triển, quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống thoát nước trên địa bàn Thành phố;

đ) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổng hợp dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm cho hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố, chuyển Sở Tài chính rà soát, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định, giao dự toán chi ngân sách nhà nước;

e) Tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán kinh phí đặt hàng, dự toán cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích về thoát nước thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định;

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước. Đồng thời phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan thẩm định phương án giá dịch vụ

thoát nước và xử lý nước thải đô thị đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ các nguồn vốn khác;

h) Phối hợp với Sở Tài chính có ý kiến thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước trong Khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao để các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng Khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao làm cơ sở quyết định về giá dịch vụ thoát nước theo quy định;

i) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải từ các hộ thoát nước, Khu Đô thị mới; Khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao vào hệ thống thoát nước đô thị;

k) Chỉ đạo Thanh tra Sở Xây dựng và các đơn vị chuyên môn trực thuộc, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

l) Khi cấp phép xây dựng phải quy định về cốt xây dựng trong nội dung giấy phép xây dựng đảm bảo cao độ xây dựng tối thiểu phù hợp với quy hoạch về cao độ nền và thoát nước mưa;

m) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố giao hoặc theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý chất thải rắn, bùn thải, bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, kiểm soát ô nhiễm trong lĩnh vực thoát nước, xả nước thải ra môi trường trên địa bàn Thành phố;

b) Thực hiện công tác kiểm soát ô nhiễm, kiểm tra, giám sát chất lượng vệ sinh môi trường trong hoạt động thoát nước và xử lý nước thải theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố các giải pháp quản lý bùn thải đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường và phù hợp với tình hình thực tế của Thành phố;

d) Xem xét đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố cho phép đầu tư hạng mục xử lý bùn thải ngay tại Nhà máy/trạm xử lý nước thải với điều kiện phải đảm bảo về hiệu quả đầu tư, công nghệ và vệ sinh môi trường theo quy định đối trường hợp các dự án

đầu tư xây dựng Nhà máy/trạm xử lý nước thải tập trung của Thành phố trong tương lai mà tại đó phát sinh bùn thải thường xuyên và ở khoảng cách xa so với địa điểm xử lý tập trung theo quy định;

đ) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trong việc phân định, phân loại, đăng ký quản lý và phương án xử lý bùn thải đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường theo đúng nội dung của Quy định này và các quy định pháp luật hiện hành;

e) Chỉ đạo Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị chuyên môn trực thuộc, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất và xử lý hoặc đề xuất xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường trong hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố giao hoặc theo quy định của pháp luật.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của địa phương, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng kế hoạch và bố trí mức vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước do thành phố quản lý cho từng chương trình, dự án phù hợp với tổng mức đầu tư và cơ cấu đầu tư theo ngành, lĩnh vực;

c) Phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán ngân sách thành phố và phân bổ ngân sách cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong thành phố;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố về chiến lược thu hút, huy động, sử dụng vốn đầu tư theo các hình thức đối tác công tư (PPP) và các hình thức đầu tư khác ngoài ngân sách nhà nước, ban hành cơ chế ưu đãi, chính sách phù hợp để thu hút, khuyến khích đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố;

đ) Hướng dẫn cụ thể việc tổ chức, cá nhân được hỗ trợ ưu đãi khi tham gia đầu tư xây dựng trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố theo quy định pháp luật hiện hành về hỗ trợ, ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải;

e) Thực hiện công tác thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận đầu tư cho dự án thoát nước và xử lý nước thải theo quy định pháp luật;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố giao hoặc theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài chính.

a) Chủ trì rà soát, cân đối dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm đảm bảo đủ cho công tác quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do nhà nước làm chủ sở hữu trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định, giao dự toán chi ngân sách nhà nước;

b) Chủ trì tổ chức thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định;

c) Phối hợp với Sở Xây dựng có ý kiến thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước trong Khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao để các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng Khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao làm cơ sở quyết định về giá dịch vụ thoát nước theo quy định;

d) Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân quận - huyện xây dựng kế hoạch, thẩm tra, thẩm định, tham gia ý kiến theo thẩm quyền đối với các dự án đầu tư và bố trí mức vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước do thành phố quản lý cho từng chương trình, dự án phù hợp với tổng mức đầu tư và cơ cấu đầu tư theo ngành, lĩnh vực;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố giao hoặc theo quy định của pháp luật.

5. Sở Giao thông vận tải

a) Tham mưu, giúp cho Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hạ tầng giao thông đô thị trên địa bàn Thành phố (Đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt đô thị; vận tải; an toàn giao thông và quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì hạ tầng giao thông đô thị;

b) Xem xét ban hành quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định phân cấp quản lý, vận hành và bảo trì về: Đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt đô thị; vận tải; an toàn giao thông và quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì hạ tầng giao thông đô thị theo chức năng nhằm đảm bảo công tác quản lý được xuyên suốt, khai thác tối đa, đảm bảo phát huy hiệu quả cao nhất, tránh trùng lắp, chồng chéo;

c) Hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo tình hình quy hoạch về giao thông, kế hoạch đầu tư phát triển, quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống hạ tầng giao thông đô thị trên địa bàn Thành phố;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổng hợp dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm cho hoạt động hạ tầng giao thông đô thị trên địa bàn Thành phố, chuyển Sở Tài chính rà soát, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định, giao dự toán chi ngân sách nhà nước;

đ) Tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán kinh phí đặt hàng, dự toán cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích về hạ tầng giao thông đô thị thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định;

e) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hạ tầng giao thông đô thị;

g) Chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông Vận tải và các đơn vị chuyên môn trực thuộc, phối hợp với các Thanh tra Sở Xây dựng trong quá trình thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các hành vi vi phạm về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố giao hoặc theo quy định của pháp luật.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi và phát triển nông thôn; phòng, chống lụt, bão;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân cấp quản lý các công trình thủy lợi, chương trình mục tiêu thoát nước nông thôn trên địa bàn thành phố; hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ các công trình thủy lợi vừa và nhỏ; tổ chức thực hiện chương trình, mục tiêu thoát nước nông thôn đã được phê duyệt.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố giao hoặc theo quy định của pháp luật.

7. Sở Y tế

Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải của các bệnh viện, các viện nghiên cứu y khoa và các cơ sở y tế trên địa bàn Thành phố theo đúng quy định hiện hành.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì phối hợp với các Sở ngành có liên quan để thẩm tra, tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố việc áp dụng các tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý nước thải phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; công nghệ xử lý nước thải của các dự án do nhà đầu tư đề xuất theo các quy định pháp luật hiện hành; và quy trình vận hành, bảo trì hệ thống thoát nước;

b) Nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật công nghệ trong và ngoài nước về lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố giao hoặc theo quy định của pháp luật.

9. Công an thành phố

a) Thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm các quy định về thoát nước và xử lý nước thải; nạo vét, thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải theo Quy định này và các quy định pháp luật hiện hành;

b) Tăng cường kiểm tra phương tiện nạo vét, thu gom, vận chuyển bùn thải, bùn đất trên địa bàn Thành phố; phát hiện và xử phạt nghiêm đối với chủ phương tiện vận chuyển, thiết bị sử dụng không đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị trong quá trình nạo vét, thu gom, vận chuyển bùn thải, chất thải rắn trên địa bàn Thành phố theo quy định pháp luật hiện hành.

10. Các sở ban ngành khác có liên quan

Các Sở, ban, ngành có liên quan trong phạm vi, quyền hạn, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân quận - huyện để thực hiện quản lý nhà nước đối với nước thải, bùn thải phát sinh từ lĩnh vực mình quản lý theo quy định.

Điều 24. Trách nhiệm của Chủ sở hữu; người quản lý sử dụng công trình thoát nước

1. Tổ chức quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống thoát nước do mình quản lý, gồm: Lựa chọn đơn vị thoát nước, ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị được lựa chọn; tổ chức lập phương án giá dịch vụ thoát nước (nếu được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ), gửi Sở Tài chính chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập kế hoạch, dự toán cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích về thoát nước trên địa bàn quản lý trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

3. Xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn về thoát nước và xử lý nước thải đô thị, kể cả kế hoạch ưu tiên chống ngập và thoát nước trên địa bàn được giao quản lý trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Tổ chức lập kế hoạch đầu tư xây dựng, sửa chữa, bảo trì hệ thống thoát nước, xử lý nước thải thuộc địa bàn quản lý để thực hiện đồng bộ với kế hoạch phát triển hệ thống thoát nước của Thành phố trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

5. Phối hợp với đơn vị cấp nước hoặc trực tiếp tổ chức thu tiền dịch vụ thoát nước theo quy định;

6. Thỏa thuận đấu nối thoát nước với các hộ thoát nước với hệ thống thoát nước do mình quản lý khi có yêu cầu, trừ trường hợp miễn trừ đấu nối theo quy định tại Điều 22 Quy định này.

7. Hướng dẫn việc xây dựng đúng quy cách đường ống nối từ các hộ thoát nước ra tới điểm đấu nối kể cả chất lượng vật liệu và kỹ thuật thi công công trình.

8. Phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải; báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân quận, huyện khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động thoát nước trên địa bàn để xử lý theo quy định.

9. Tổ chức kiểm kê định kỳ hàng năm theo quy định và đánh giá chất lượng các tài sản vào cuối năm.

10. Khi có biến động về tài sản, chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình thoát nước phải tổ chức kiểm kê xác lập quyền sở hữu và quản lý theo quy định:

a) Chủ sở hữu; người quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm báo cáo kê khai bổ sung trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi tài sản;

b) Thời gian tính có sự thay đổi tài sản tính từ ngày hoàn tất thủ tục nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình xây dựng, đưa vào sử dụng theo quy định.

11. Tổ chức lập, quản lý khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước.

Điều 25. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh

1. Căn cứ theo quy định phân cấp, nhiệm vụ được giao quản lý hệ thống thoát nước của Thành phố, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý phát triển đô thị Thành phố Hồ Chí Minh cao chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thoát nước và xử lý nước thải do mình quản lý theo đúng nội dung của Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm về thoát nước, xử lý nước thải và chất lượng vệ sinh môi trường trong hoạt động về thoát nước và xử lý nước thải thuộc địa bàn quản lý.

2. Khi cấp phép xây dựng phải quy định về cốt xây dựng trong nội dung giấy phép xây dựng đảm bảo cao độ xây dựng tối thiểu phù hợp với quy hoạch về cao độ nền và thoát nước mưa, nước thải.

3. Thỏa thuận đấu nối thoát nước với các hộ thoát nước với hệ thống thoát nước do mình quản lý khi có yêu cầu, trừ trường hợp miễn trừ đấu nối theo quy định tại Điều 22 Quy định này.

4. Tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán kinh phí đặt hàng, dự toán cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích về thoát nước thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định.

5. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng có ý kiến thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước trong Khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao để các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng Khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao làm cơ sở quyết định về giá dịch vụ thoát nước theo quy định.

6. Xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào Khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao ưu tiên cho các loại công trình thoát nước và xử lý nước thải quan trọng, trình cấp có thẩm quyền quyết định để triển khai thực hiện.

7. Hướng dẫn các doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi Khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao tuân thủ các quy định về thoát nước và xử lý nước thải theo các nội dung tại Quy định này và quy định pháp luật hiện hành về quản lý thoát nước và xử lý nước thải.

8. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn quản lý. Phát hiện và đề xuất xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong hoạt động thoát nước và xử lý nước thải của các cá nhân, tổ chức không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện việc thoát nước và xử lý nước thải.

9. Tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải thuộc địa bàn quản lý để thực hiện đồng bộ với kế hoạch phát triển hệ thống thoát nước của Thành phố trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

10. Quản lý thống nhất các lĩnh vực đầu tư xây dựng và khai thác các công trình thoát nước và xử lý nước thải trong Khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao. Tổ chức lưu trữ hồ sơ thiết kế kỹ thuật và hồ sơ hoàn công công trình. Làm đầu mối tổ chức, hướng dẫn bàn giao cho các cơ quan có liên quan và đưa công trình vào khai thác sử dụng.

Điều 26. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận - huyện

1. Căn cứ theo quy định phân cấp quản lý hệ thống thoát nước của thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thoát nước và xử lý nước thải do mình làm chủ sở hữu theo đúng nội dung của Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm về thoát nước, xử lý nước thải và chất lượng vệ sinh môi trường trong hoạt động về thoát nước và xử lý nước thải thuộc địa bàn quản lý.

2. Quyết định phương thức cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích về thoát nước thuộc phạm vi quản lý. Tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán kinh phí đặt hàng, dự toán cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích về thoát nước thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định.

3. Khi cấp phép xây dựng phải quy định về cốt xây dựng trong nội dung giấy phép xây dựng đảm bảo cao độ xây dựng tối thiểu phù hợp với quy hoạch về cao độ nền và thoát nước mưa, nước thải.

4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm cho hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn quản lý, chuyển Sở Tài chính rà soát, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định, giao dự toán chi ngân sách nhà nước.

5. Tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải thuộc địa bàn quản lý để thực hiện đồng bộ với kế hoạch phát triển hệ thống thoát nước của Thành phố trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

6. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn quản lý. Phát hiện và xử lý hoặc đề xuất xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong hoạt động thoát nước và xử lý nước thải của các cá nhân, tổ chức không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện việc thoát nước và xử lý nước thải.

7. Tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền đến Ủy ban nhân dân phường - xã trong việc tổ chức thực hiện công tác thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn theo đúng các nội dung tại Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

8. Tổ chức đánh giá tình hình thoát nước, xử lý nước thải tại địa phương, báo cáo kết quả định kỳ vào tháng 12 hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu của Sở Xây dựng về tình hình thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn; kiến nghị đề xuất các vấn đề có liên quan đến việc quản lý thoát nước, xử lý nước thải.

Điều 27. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường - xã

1. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải, tuyên truyền, vận động người dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải.

2. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân quận - huyện khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật (trường hợp vượt thẩm quyền của Ủy ban nhân dân phường - xã) về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn để xử lý theo quy định.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Chủ sở hữu; người quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư các công trình thoát nước, các hộ thoát nước thực hiện việc đấu nối vào hệ thống thoát nước Thành phố theo các điều khoản có liên quan trong Quy định này. Báo cáo kịp thời cho Sở Xây dựng để có biện pháp khắc phục, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện (nếu có).

2. Các Sở ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng để thực hiện quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, các Khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế, khu dân cư nông thôn tập trung.

3. Giám đốc các Sở chuyên ngành liên quan; Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và Thủ trưởng các đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện quy định này.

4. Giám đốc Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thi hành Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hay cần thiết phải sửa đổi bổ sung cho phù hợp với các quy định pháp luật mới ban hành và tình hình thực tế, Sở Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp và đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét điều chỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hòa Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4309/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bãi bỏ văn bản

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ ban hành về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

Theo đề xuất của Giám đốc Công an Thành phố tại Tờ trình số 3871/TTr-PV05-CATP ngày 04 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Chi thị số 10/2015/CT-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự tại cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong tình hình mới.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Công an

Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Phong

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4855/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ chỉ thị của Ủy ban nhân dân Thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019);

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 6127/TTr-STP-KTrVB ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc ban hành quyết định bãi bỏ 04 chỉ thị của Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ văn bản

Bãi bỏ 04 chỉ thị của Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Chỉ thị số 18/2008/CT-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thực hiện Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Chỉ thị số 13/2010/CT-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân

dân Thành phố về việc triển khai thi hành Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

3. Chỉ thị số 29/2011/CT-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường thực hiện các biện pháp để quản lý, bảo vệ và phát triển các loài động vật hoang dã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

4. Chỉ thị số 23/2014/CT-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường công tác quản lý sử dụng và thải bỏ túi ni lông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã - thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Minh Châu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 01 năm 2021

CHỈ THỊ

Về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021

Năm 2021 là năm diễn ra Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, hội đồng nhân dân các cấp; là năm đầu triển khai Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021 - 2030), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025). Đây là năm Thành phố bắt đầu triển khai Nghị quyết số 131/2020/QH14 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2021 cũng là năm có sự chuyển dịch lớn về các dòng đầu tư trên thế giới cùng với đại dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển kinh tế của cả nước nói chung và Thành phố nói riêng, gây áp lực rất lớn trong công tác đảm bảo an sinh xã hội và trật tự - an toàn xã hội. Trong bối cảnh đó, thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021, Kết luận số 16-KL/TU ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Thành ủy về tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2020 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2021, Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2021, để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội Thành phố năm 2021 ngay từ tháng đầu, quý đầu, Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành, chủ tịch Ủy ban nhân dân

quận, huyện, các doanh nghiệp thuộc Thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn phụ trách, khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

I. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả chủ đề năm 2021 “Năm xây dựng chính quyền đô thị và cải thiện môi trường đầu tư”.

Triển khai Kế hoạch thực hiện tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố theo Nghị quyết số 131/2020/QH14 của Quốc hội và Nghị định hướng dẫn của Chính phủ đảm bảo đúng tiến độ. Triển khai sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền thông qua cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển toàn diện thành phố Thủ Đức.

Thực hiện việc sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức quận, phường; giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức bộ máy chính quyền đô thị theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

Thực hiện tốt các bước chuẩn bị và tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 gắn với việc triển khai tổ chức chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 131/2020/QH14.

Đề cao trách nhiệm người đứng đầu các cấp, các sở, ngành trong việc tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp; chủ động xây dựng kế hoạch cải thiện môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu: (1) Có thời hạn đối với quy trình thủ tục hành chính, xử lý hồ sơ; (2) Xác định rõ tổ chức, cá nhân thực hiện chức trách trong xử lý hồ sơ; (3) Có sự tham gia, đóng góp ý kiến của tổ chức, doanh nghiệp; (4) Có sự giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc; (5) Có chế tài xử lý vi phạm và khen thưởng và (6) Triệt để ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

Thực hiện Chương trình cải cách hành chính và nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh đảm bảo thiết thực; đổi mới phương thức phục vụ của chính quyền; tăng tỷ lệ giải quyết hồ sơ thông qua dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, 4; tổ chức đối thoại giữa chính quyền các cấp với tổ chức, doanh nghiệp định kỳ hàng quý để kịp thời lắng nghe, tháo gỡ khó khăn vướng mắc; lấy doanh nghiệp làm

trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả cải cách hành chính.

Nâng cao vai trò của hiệp hội doanh nghiệp trong liên kết phát triển, trao đổi thông tin, kinh nghiệm hoạt động và kiến nghị với nhà nước về xây dựng chủ trương chính sách mới; góp ý với cấp có thẩm quyền sửa đổi chính sách không còn phù hợp với thực tế; rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ liên quan đến thủ tục đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động, phát triển.

Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra công vụ, phát huy tối đa vai trò giám sát của hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, các cơ quan báo chí, đặc biệt là giám sát của Nhân dân, doanh nghiệp; kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, thiếu trách nhiệm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của Thành phố.

2. Tiếp tục thực hiện mục tiêu kép của Chính phủ: Kiểm soát tốt đại dịch Covid-19 và triển khai hiệu quả các chương trình hồi phục kinh tế trên các ngành, lĩnh vực. Tiếp tục thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng, chống dịch trong tình hình mới; tuyệt đối không chủ quan, lơ là, không để dịch bệnh lây lan, bùng phát trở lại nhất là tại các trường học, bệnh viện, khu tập trung đông dân cư... Quản lý chặt chẽ tất cả các trường hợp nhập cảnh, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các trường hợp nhập cảnh trái phép; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch tại cơ sở cách ly, bệnh viện, cơ sở y tế; bảo đảm đủ cơ sở dự trữ vật tư, trang thiết bị thiết yếu phòng, chống dịch tại các bệnh viện và trung tâm kiểm soát bệnh tật; nâng cao năng lực xét nghiệm nhanh, xét nghiệm trên diện rộng, truy vết các trường hợp có nguy cơ mắc bệnh; tiếp tục truyền thông mạnh mẽ nâng cao ý thức cảnh giác, tự bảo vệ trước nguy cơ dịch bệnh trong Nhân dân, cán bộ công chức, viên chức và người lao động.

Triển khai gói hỗ trợ doanh nghiệp lần 2 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Phát huy hiệu quả các Hội đồng phát triển các ngành kinh tế với vai trò là cầu nối giữa cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp, các nhà nghiên cứu và tổ chức tài chính. Tổ chức Diễn đàn kinh tế năm 2021 phù hợp với tình hình dịch Covid-19. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách, quy định, các chương trình tín dụng hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp; phần đầu tăng trưởng tín dụng khoảng 14%; tăng trưởng huy động vốn khoảng 13% - 14%. Triển khai có hiệu quả “Đề án hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Thành phố giai đoạn 2020 - 2025”.

3. Triển khai quán triệt, học tập, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII gắn với thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần XI đề ra ngay từ năm đầu, trong đó, tập trung thực hiện các đề án thuộc 03 chương trình đột phá về đổi mới quản lý, phát triển hạ tầng, phát triển nhân lực, văn hóa và 01 chương trình trọng điểm về phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo và phát triển sản phẩm chủ lực của Thành phố.

4. Đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số tận dụng thời cơ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Triển khai Chương trình chuyển đổi số tại Thành phố; phát triển nền tảng số, tích hợp và chia sẻ dữ liệu, Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, kết nối dịch vụ số hóa, chuỗi khối, định danh điện tử. Tiếp tục triển khai giai đoạn 2 Đề án xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh. Triển khai Kho dữ liệu dùng chung và phát triển Hệ sinh thái dữ liệu mở của Thành phố; thực hiện số hóa và sử dụng dữ liệu hiệu quả trong hoạt động của chính quyền. Tập trung phát triển kinh tế số, hỗ trợ phát triển thương mại điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp. Nghiên cứu triển khai mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ phù hợp với xu thế phát triển của kinh tế số và thực tiễn phát triển của Thành phố. Phát triển và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ viễn thông thế hệ thứ 5 (5G) và sau 5G trong quản lý đô thị. Thực hiện chuyển đổi số trong quản trị, sản xuất - kinh doanh và tổ chức xã hội giai đoạn 2021 - 2025. Thành lập Viện công nghệ tiên tiến và đổi mới sáng tạo Thành phố. Triển khai Đề án tổ chức phong trào thi đua sáng tạo và các giải thưởng sáng tạo Thành phố giai đoạn 2020 - 2030; phát huy cao độ các nguồn lực xã hội; phát huy tính sáng tạo của các tầng lớp Nhân dân cùng thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội Thành phố đạt kết quả cao nhất.

5. Đẩy mạnh thiết kế đô thị phục vụ quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ. Triển khai Chương trình đột phá phát triển hạ tầng, phát triển đồng bộ và hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng tạo môi trường, điều kiện tốt để phát triển kinh tế - xã hội; mở rộng không gian phát triển, kết nối các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam gắn với bố trí, cơ cấu lại sản xuất và phân bố dân cư.

Đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông, phát triển mạnh ngành logistics; giải quyết hiệu quả các vấn đề cấp bách mà Thành phố đang đối mặt: Ùn tắc giao thông, ngập nước, ô nhiễm môi trường, xử lý nước thải, chất thải rắn, đảm bảo 100% người dân Thành phố được sử dụng nước sạch, phát triển cây xanh, hệ thống chiếu sáng đô thị... đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân Thành phố. Hoàn thành và đưa vào vận hành dự án chống ngập; cơ bản hoàn tất thi công và đưa vào vận hành

khai thác thương mại tuyến đường sắt đô thị số 1 (Tuyến Bến Thành - Suối Tiên); hoàn tất công tác giải bồi thường, phóng mặt bằng tuyến đường sắt đô thị số 2 (Tuyến Bến Thành - Tham Lương); khởi công các dự án: Bệnh viện Đa khoa khu vực Hóc Môn, Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi, Rạp xiếc và biểu diễn đa năng Phú Thọ, Bến xe buýt Củ Chi, mở rộng đường Tân Kỳ Tân Quý... hoàn tất các thủ tục đầu tư các dự án: Nhà hát giao hưởng - nhạc, vũ kịch; Bệnh viện Đa khoa khu vực Thủ Đức; hoàn thành sửa chữa đường Nguyễn Hữu Cảnh, Nút giao thông Mỹ Thủy (Quận 2)...

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Thành ủy về tập trung đầu tư xây dựng hoàn thành Khu đô thị mới Thủ Thiêm trước năm 2030. Đổi mới phương thức chuẩn bị đất cho nhà đầu tư; ứng dụng thí điểm đổi mới mạnh mẽ trong tổ chức triển khai thực hiện các dự án cải tạo và phát triển đô thị theo hướng tích hợp, nắm bắt và quản lý hiệu quả giá trị nguồn lực từ đất đai và đầu tư cơ sở hạ tầng trên nguyên tắc khuyến khích sự tham gia tích cực của các nguồn lực xã hội. Tập trung đẩy mạnh công tác lập nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060; nhiệm vụ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội Thành phố giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đẩy nhanh tiến độ các dự án quy hoạch đang triển khai.

Tiến hành sơ kết 02 năm và tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố.

6. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai. Tiếp tục triển khai hiệu quả Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện cuộc vận động “Người dân Thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước”; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 11 tháng 6 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về công tác bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư và quản lý chất thải rắn. Thực hiện các chương trình đảm bảo vệ sinh môi trường, phát triển mảng xanh đô thị, năng lượng xanh, giao thông xanh, tiến đến xây dựng hoàn thiện hạ tầng xanh. Tổ chức phong trào vận động người dân trồng cây xanh vì một Thành phố sạch và xanh. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và xử phạt nghiêm minh các hành vi vi phạm. Duy trì tỷ lệ 100% khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam. Quản lý

tốt nguồn tài nguyên nước. Chủ động mở rộng hợp tác quốc tế, đẩy mạnh việc thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư, giới thiệu, tìm kiếm các nguồn hỗ trợ của các đối tác, tổ chức quốc tế về kinh nghiệm, công nghệ và tài chính phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu.

7. Tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ trên lĩnh vực văn hóa - xã hội. Tổ chức chu đáo các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị trọng đại trong năm và các sự kiện văn hóa thường niên. Triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển ngành Văn hóa Thành phố đến năm 2035, Đề án tổ chức lễ hội, sự kiện văn hóa và thể thao tiêu biểu đến năm 2030. Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành một không gian văn hóa Hồ Chí Minh. Tiếp tục nâng cấp, phát triển và đẩy mạnh công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa; nghiên cứu sâu những đặc trưng của truyền thống văn hóa Thành phố, giới thiệu rộng rãi các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể kể cả ở trong nước và ở nước ngoài gắn kết với hoạt động du lịch; hoàn thành lập hồ sơ Di tích lịch sử địa đạo Củ Chi là di sản thế giới.

Nâng cao hiệu quả giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Triển khai Đề án đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ở 8 ngành (công nghệ thông tin - truyền thông; cơ khí - tự động hóa; trí tuệ nhân tạo; quản trị doanh nghiệp; tài chính - ngân hàng; y tế; du lịch; quản lý đô thị) giai đoạn 2020 - 2035 và đại học chia sẻ. Triển khai Đề án giáo dục thông minh và học tập suốt đời giai đoạn 2020 - 2030.

Triển khai hiệu quả hoạt động phòng, chống dịch bệnh và các chương trình mục tiêu về y tế và dân số. Chú trọng nâng cao năng lực và tăng số trạm y tế cơ sở; nhân rộng mô hình phòng khám đa khoa vệ tinh; phát triển thêm trạm cấp cứu vệ tinh 115. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị y tế hiện đại. Triển khai Đề án y tế thông minh giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn 2030; Đề án phát triển y tế cộng đồng, thực hiện bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người dân giai đoạn 2021 - 2030; phát triển du lịch y tế trên cơ sở hệ thống y tế chuyên sâu, thu hút khách du lịch trong và ngoài nước kết hợp du lịch và khám chữa bệnh. Phát triển y học cổ truyền trở thành một trong những hoạt động nổi bật của loại hình du lịch y tế.

Tăng cường các giải pháp hỗ trợ tạo việc làm, đẩy mạnh tàn suất tổ chức sàn giao dịch việc làm, phiên giao dịch việc làm, nâng cao chất lượng hoạt động của các sàn giao dịch việc làm để kết nối thành công cung - cầu về số lượng và chất lượng. Theo dõi chặt chẽ tình hình lao động tại các doanh nghiệp, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chính sách lao động đối với người lao động và khuyến khích chế độ

đãi ngộ, phúc lợi để thu hút, giữ chân người lao động làm việc lâu dài trong doanh nghiệp.

Hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố tiếp cận tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản; triển khai chương trình giảm nghèo giai đoạn 2021- 2025; kéo giảm tỷ lệ thiếu hụt các chỉ số nhằm cải thiện và nâng cao mức sống, điều kiện sống và chất lượng cuộc sống cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố.

8. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế. Triển khai Đề án thúc đẩy quan hệ với các địa phương trọng điểm thuộc các nước là đối tác chiến lược của Việt Nam phục vụ mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của Thành phố giai đoạn 2020 - 2025. Thực thi và tận dụng hiệu quả cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do, nhất là CPTPP, EVFTA, RCEP, các hiệp định của ASEAN với các đối tác. Tăng cường triển khai các hoạt động ngoại giao, góp phần xúc tiến thương mại, đầu tư, quảng bá du lịch, văn hóa của Việt Nam đến bạn bè quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid 19 còn diễn biến phức tạp.

9. Giữ vững ổn định an ninh chính trị, quốc phòng an ninh, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội. Tập trung xử lý dứt điểm các vụ việc khiếu nại tòn đọng, bức xúc. Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống; diễn tập phòng thủ, phòng thủ dân sự kết hợp với diễn tập phòng chống biểu tình, bạo loạn, khủng bố sát với tình hình thực tế của Thành phố. Đẩy mạnh các giải pháp phòng, chống các loại tội phạm, đặc biệt là tội phạm ma túy; triển khai Đề án nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy giai đoạn 2020 - 2030. Đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả, đảm bảo tuyệt đối an toàn các lễ hội, sự kiện chính trị quan trọng (Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026,...); Đưa vào hoạt động Trung tâm Thông tin chỉ huy Công an Thành phố, Trung tâm An toàn thông tin, chủ động triển khai các biện pháp phòng ngừa, kịp thời phát hiện, đấu tranh hiệu quả với các hoạt động vi phạm pháp luật, không để xảy ra tình hình phức tạp.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Từng đồng chí thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thủ trưởng các doanh nghiệp thuộc Thành phố đề cao trách nhiệm người đứng đầu, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt, cụ thể, phân công rõ trách nhiệm, phải minh chứng bằng kết quả thực tế.

2. Từng cán bộ, công chức, viên chức Thành phố nêu cao hơn nữa ý thức trách nhiệm phục vụ Nhân dân; nâng cao đạo đức công vụ, tính chuyên nghiệp trong phối hợp thực thi công vụ, nghiêm túc từ lời nói đến hành động; xây dựng nền công vụ hiện đại, minh bạch, liêm chính và hoạt động hiệu quả.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp các sở, ngành quan tham mưu đề xuất, cụ thể hóa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 thành chương trình, nhiệm vụ công tác hàng tháng, quý của Ủy ban nhân dân Thành phố; thường xuyên theo dõi, đôn đốc chuẩn bị nội dung và tổ chức sơ kết, tổng kết để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Phong

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 203/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án phát triển hệ thống cấp nước Thành phố
giai đoạn 2020 - 2050 và Chương trình cung cấp nước sạch
và chấm dứt khai thác nước ngầm Thành phố Hồ Chí Minh
giai đoạn 2020 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính
phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định số 124/2011/NĐ-CP
ngày 28 tháng 12 năm 2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 117/2007/NĐ-
CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;*

*Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng
Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch cấp nước Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ
XI nhiệm kỳ 2020 - 2025;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 15340/SXD-HTKT ngày 28
tháng 12 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển hệ thống cấp nước Thành phố giai đoạn 2020 - 2050 và Chương trình cung cấp nước sạch và chấm dứt khai thác nước ngầm Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2030.

Điều 2. Sở Xây dựng là cơ quan thường trực tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tổ chức, triển khai thực hiện Đề án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Nội vụ, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hòa Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TÓM TẮT

**Đề án phát triển hệ thống cấp nước Thành phố giai đoạn 2020 – 2050 và
Chương trình cung cấp nước sạch và chấm dứt khai thác nước ngầm Thành phố
Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 – 2030**

Phần mở đầu

Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay có tốc độ đô thị hóa và tỷ lệ tăng dân số ở mức cao, cùng với sự phát triển của kinh tế xã hội là nhu cầu về đời sống cần được nâng cao trong đó có nhu cầu về nước sạch. Hiện nay 100% dân số của Thành phố đã được tiếp cận và sử dụng nguồn nước sạch, nhưng hệ thống cấp nước Thành phố vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của một đô thị hiện tại và trong tương lai.

Hiện nay, việc cung cấp nước sạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đang đối mặt với những thách thức: vấn đề ô nhiễm nguồn nước do tác động của sự phát triển kinh tế, xã hội dọc theo lưu vực hệ thống sông Sài Gòn – Đồng Nai; tác động của biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng lớn đến nguồn nước thô cung cấp cho Thành phố, thiếu khả năng dự phòng để ứng phó với diễn biến bất ngờ của nguồn nước thô; tốc độ đô thị hóa phát triển nhanh, dân số tăng nhanh; hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước mặc dù được đầu tư phát triển nhanh chóng và cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn chỉnh hơn giúp đáp ứng được yêu cầu truyền tải và phân phối nước đến người dân, nhưng cũng còn một số tồn tại như hệ thống phát triển qua nhiều giai đoạn lịch sử, nhiều hạng mục công trình được đầu tư đã nhiều năm cần được cải tạo, quy hoạch mạng lưới cấp nước Thành phố được cấu tạo mạng vòng, không có những bể chứa nước để điều phối và dự phòng trên hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước; áp lực nước trên hệ thống cấp nước của Thành phố chưa đồng đều; chất lượng nước tại nhà máy sau khi xử lý đạt quy chuẩn nước dùng cho ăn uống trực tiếp. Tuy nhiên khi đến người sử dụng qua hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước, một số chỉ tiêu chất lượng nước chưa đảm bảo như hàm lượng chất khử trùng chlorine,...

Do đó, việc xây dựng Đề án phát triển hệ thống cấp nước Thành phố giai đoạn 2020 – 2050 và Chương trình cung cấp nước sạch và chấm dứt khai thác nước ngầm Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 – 2030 nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của con người và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Thành phố là cần thiết. Trên cơ sở đó đề ra các giải pháp cụ thể có tính đến biến đổi khí hậu nhằm cấp nước ổn định, chất lượng bảo đảm, dịch vụ tốt đáp ứng cho các nhu cầu sử dụng nước theo từng giai đoạn.

Ngoài ra, Đề án phát triển hệ thống cấp nước Thành phố giai đoạn 2020 - 2050 và Chương trình cung cấp nước sạch và chấm dứt khai thác nước ngầm Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 – 2030 phục vụ việc xây dựng văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 – 2025, là cơ sở để Đảng bộ Thành phố lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền Thành phố tổ chức lập và phê duyệt Đề án phát triển hệ thống cấp nước Thành phố giai đoạn 2020 – 2050 và Chương trình cung cấp nước sạch và chấm dứt khai thác nước ngầm Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 – 2030 theo đúng quy định pháp luật.

Phần I

MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ ÁN

- Đảm bảo mỗi người dân sống và làm việc tại Thành phố đều được thụ hưởng đầy đủ các dịch vụ cung cấp nước sạch, chất lượng và ổn định.
- Đảm bảo an ninh nguồn nước thô.
- Đảm bảo cấp nước an toàn cho cả hệ thống, bằng hoặc vượt Chương trình Quốc gia về Cấp nước an toàn.
- Phát triển và duy trì hệ thống cấp nước đảm bảo phù hợp, và góp phần vào sự phát triển chung của Thành phố.

Phần II

THỰC TRẠNG VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Tình hình công tác cung cấp nước sạch hiện nay

1.1. Mô hình quản lý vận hành

Hiện tại hệ thống mạng lưới cấp nước của Thành phố Hồ Chí Minh đang được quản lý và vận hành bởi các đơn vị khác nhau gồm doanh nghiệp nhà nước và tư nhân:

- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (công ty vốn nhà nước 100%) và đơn vị trực thuộc, công ty con: quản lý Nhà máy nước Thủ Đức, Tân Hiệp, Nước ngầm Tân Bình, Bình Hưng và toàn bộ hệ thống cấp nước của 23/24 quận, huyện (trừ huyện Củ Chi).

- Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn: quản lý hệ thống mạng lưới cấp nước cho khu vực huyện Củ Chi.

- Các Công ty Cổ phần: Nước B.O.O Thủ Đức, Kinh doanh nước sạch Sài Gòn, Nước sạch Tân Hiệp, Cấp nước Kênh Đông quản lý và vận hành các nhà máy nước sau đó bán sỉ nước sạch cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV.

Ngoài ra, còn một số doanh nghiệp tham gia công tác cung cấp nước sạch tại các huyện ngoại thành theo hình thức xã hội hóa cấp nước với quy mô nhỏ lẻ.

1.2. Quy mô hệ thống cấp nước

Hiện nay, nguồn nước thô khai thác chủ yếu (đến 94%) từ nước mặt gồm lưu vực sông Đồng Nai và lưu vực sông Sài Gòn, một phần nhỏ (6%) từ nguồn nước ngầm. Tổng công suất cấp nước thiết kế các nhà máy nước hiện nay 2.400.000 m³/ngày, công suất phát nước thực tế trung bình của năm 2019 là: 1.928.000 m³/ngày. Một thông số chính hệ thống cấp nước Thành phố hiện nay như sau:

- Tỷ lệ dân số được cấp nước: 100%.

- Tiêu thụ nước sạch trung bình qua hệ thống cấp nước Thành phố: 1,93 triệu m³/ngày đêm.

- Tổng công suất thiết kế các nhà máy nước: 2,40 triệu m³/ngày đêm.

- Tổng công suất phát nước bình quân từ các nhà máy nước: 1,53 triệu m³/ngày đêm.

- Tổng số đầu nối khách hàng: 2,14 triệu.

- Tổng chiều dài mạng lưới chuyển tải và phân phối nước sạch: 8.200 km.

- Tỷ lệ thất thu thất thoát nước sạch: 20,85 %.

1.3. Tình hình khai thác nước ngầm

TT	Nội dung thực hiện	Lưu lượng khai thác cuối năm 2016	Lưu lượng khai thác cuối năm 2018	Lưu lượng khai thác cuối năm 2019
	Tổng lượng khai thác nước dưới đất trên địa bàn Thành phố	716.581	487.000	301.003
1	Lượng khai thác nước dưới đất hộ gia đình	355.859	231.000	133.019
2	Lượng khai thác nước dưới đất trong khu chế xuất - khu công nghiệp	58.150	40.000	29.757
3	Lượng khai thác nước dưới đất bên ngoài khu chế xuất - khu công nghiệp không phải hộ gia đình	172.572	116.000	48.227
4	Lượng khai thác nước dưới đất của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên	130.000	100.000	90.000
	Lượng khai thác toàn Thành phố, sau khi trừ sản lượng khai thác nước ngầm của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	586.581	387.000	211.000

2. Nhận xét, đánh giá

2.1. Các điểm tích cực

- Đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước của Thành phố.
- Chất lượng nước sạch được đảm bảo theo quy chuẩn quốc gia.
- Đảm bảo cấp nước an toàn và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước.

2.2. Các vấn đề còn tồn tại

a. Cơ sở pháp lý:

- Quy định về xử lý trách nhiệm của các đơn vị cấp nước tư nhân, điều kiện của các đơn vị tham gia vào lĩnh vực cấp nước,...

- Quyền của các cơ quan quản lý nhà nước về giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác cấp nước của các doanh nghiệp cấp nước và các chế tài xử lý doanh nghiệp cấp nước, khách hàng sử dụng nước.

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn về hóa chất, trang thiết bị và nguyên vật liệu sử dụng trong ngành nước của Việt Nam, vị trí lắp đặt ống cấp nước băng qua các khu

vực đặc thù (công trình cầu đường bộ, công trình đường cao tốc, công trình công cộng...) nhằm bảo đảm an toàn cho tuyến ống cấp nước trong quá trình thi công và vận hành; xây dựng các bể chứa nước ngầm khu vực công cộng, xây dựng các bể chứa ngầm, hồ nước mái, bể chứa khu vực các tòa nhà, chung cư...

- Quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành để tăng cường công tác quản lý cấp nước trên địa bàn Thành phố phù hợp với các điều kiện đặc thù của Thành phố.

b. Mô hình quản lý

- Việc cổ phần hóa một số Công ty thành viên thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (Nhà Bè, Thủ Đức, Phú Hòa Tân, Chợ Lớn, Bến Thành, Gia Định) nhằm mục đích thu hút vốn đầu tư khu vực tư nhân vào lĩnh vực cấp nước tuy nhiên tính từ thời điểm cổ phần hóa đến nay, lượng vốn đầu tư vào lĩnh vực cấp nước vẫn không cao...

- Ngoài cổ phần hóa các công ty thành viên, Thành phố có một số doanh nghiệp tư nhân hoặc liên danh giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV với các công ty tư nhân đầu tư trong lĩnh vực xây dựng nhà máy xử lý nước (BOT Bình An, BOO Thủ Đức, Tân Hiệp 2 và Thủ Đức 3) và trong lĩnh vực đầu tư phát triển hệ thống cấp nước (Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn).

- Đối với các công ty cổ phần, khi có phát sinh mâu thuẫn về lợi ích kinh tế với các đơn vị cấp nước, nhà nước, việc cung cấp nước cho người dân sẽ gián đoạn vì hiện nay tài sản hệ thống cấp nước (đường ống, nhà máy,...) hiện nay đang thuộc quyền sở hữu của các công ty tư nhân. Nếu có tranh chấp việc cấp nước cho người dân sẽ khó khăn do phải xử lý theo quy định pháp luật, đặc biệt là đối với những đối tác mang yếu tố nước ngoài.

c. Nguồn nước thô: Nguồn nước thô hiện nay được khai thác trực tiếp tại sông Sài Gòn và sông Đồng Nai, vị trí lấy nước hiện nay thuộc hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai và sông Sài Gòn. Chất lượng nguồn nước thô hiện nay đang có xu hướng bị ô nhiễm và nhiễm mặn. Đồng thời giải pháp khai thác nước thô hiện nay đang gặp bất lợi do phụ thuộc vào việc kiểm soát chất lượng nước thải của các tỉnh, thành phố nằm trong lưu vực hệ thống sông Đồng Nai.

d. Cấu trúc mạng lưới: Do được phát triển qua nhiều thời kỳ, vùng phục vụ

rộng, có các điểm cách xa các nhà máy nước, chưa có bể chứa trung gian và hệ thống tăng áp, hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước hiện nay của Thành phố chưa đồng bộ do đó chưa đáp ứng được nhu cầu của Thành phố. Mạng lưới cấp nước còn nhiều tồn tại: áp lực không đồng đều, áp lực lớn vào đầu nguồn và thấp vào cuối nguồn, không có hệ thống kiểm soát chất lượng trên mạng lưới đường ống,...

e. Công nghệ xử lý: Về cơ bản hiện nay công nghệ xử lý nước sạch ở các nhà máy hiện nay vẫn đáp ứng được tiêu chuẩn của Bộ Y tế. Tuy nhiên, vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ rủi ro cao khi nguồn nước biến động và chưa đáp ứng được yêu cầu về chất lượng nước ngày càng cao của khách hàng như:

- Một bộ phận người dân không quen sử dụng nước sạch là do có mùi clorua trong nước nên cần áp dụng các công nghệ khử trùng khác như khử trùng bằng tia UV, ô zôn,... cho phù hợp với thực tiễn.

- Trong một số trường hợp (độ mặn tăng cao, chất hữu cơ cao trong nguồn nước thô), công nghệ xử lý của các nhà máy chưa xử lý được.

f. Ứng dụng khoa học công nghệ: Việc ứng dụng công nghệ trong ngành nước của Thành phố đã được áp dụng nhiều ví dụ như đọc số đồng hồ nước bằng smartphone, GIS,... nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

g. Công tác vận hành: Các nhà máy nước trên địa bàn Thành phố cơ bản có hệ thống giám sát tự động tuy nhiên mỗi nhà máy có mức độ tự động khác nhau.

- Mạng lưới đường ống cấp nước chưa có hệ thống giám sát tự động.

- Quy trình vận hành hệ thống cấp nước hiện nay chưa thống nhất.

- Hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn về lĩnh vực cấp nước vẫn chưa đầy đủ như: vật liệu dùng trong ngành nước, hành lang bảo vệ nguồn nước thô, hành lang bảo vệ tuyến ống cấp nước, chất lượng nước...

Do đó, chưa kiểm soát được áp lực nước, chất lượng nước và thất thoát thất thu nước trên hệ thống mạng lưới

Phần III

NHU CẦU VÀ KHẢ NĂNG CUNG ỨNG

Một dự báo nhu cầu sử dụng nước được thực hiện bằng phương pháp phân tích dựa trên kết hợp những cơ sở như sau:

- Lịch sử tiêu thụ, nhu cầu thực tế để phân tích xu hướng gia tăng của lượng tiêu thụ hay nhu cầu sử dụng nước sạch của đô thị tương ứng với các đặc điểm phát triển kinh tế xã hội và đặc thù của đô thị đó trong khoảng thời gian của các số liệu đó.

- Thực tế đang diễn ra tại thời điểm báo cáo.

- Phù hợp quy mô và tính chất phát triển đô thị như dự báo phát triển quy mô dân số, không gian đô thị, các khu công nghiệp, các hoạt động kinh tế xã hội... của quy hoạch chung của Thành phố.

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn và định hướng cấp nước của Việt Nam.

- Kinh nghiệm dự báo của các đô thị khác và của chính Thành phố trong các năm qua.

Từ các cơ sở trên, tổng hợp dự báo nhu cầu sử dụng ngày lớn nhất theo từng giai đoạn.

Đơn vị: triệu m³/ngày

2020	2025	2030	2035	2040	2045	2050
2,3	2,9	3,6	3,9	4,6	5,4	6,1

Dự báo nhu cầu này sẽ được kiểm tra lại, và khi có đầy đủ các số liệu điều chỉnh quy hoạch chung của Thành phố để đảm bảo dự báo nhu cầu sử dụng nước đáp ứng với quy mô phát triển của Thành phố trong giai đoạn tương lai.

Phần IV

QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG, CHỈ TIÊU VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Định hướng phát triển hệ thống cấp nước Thành phố giai đoạn 2020 – 2050

1.1. Mục tiêu chung

- Đảm bảo mỗi người dân sống và làm việc tại Thành phố đều được thụ hưởng đầy đủ các dịch vụ cung cấp nước sạch, chất lượng và ổn định.

- Đảm bảo an ninh nguồn nước thô.

- Đảm bảo cấp nước an toàn cho cả hệ thống, bằng hoạt vượt Chương trình Quốc gia về Cấp nước an toàn.

- Phát triển và duy trì hệ thống cấp nước đảm bảo phù hợp, và góp phần vào sự phát triển chung của Thành phố.

1.2. Quan điểm phát triển

- Lợi ích và an toàn cấp nước của người dân là nhân tố trung tâm của quan điểm phát triển.

- Từng bước đảm bảo an ninh nguồn nước thô cho Thành phố.

- Xem xét trong bối cảnh liên kết vùng Thành phố Hồ Chí Minh của hệ thống cấp nước khi có điều kiện.

- Cập nhật và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ ngành nước.

1.3. Công suất hệ thống

- Công suất của hệ thống cấp nước phải tương ứng với nhu cầu, có thể thấp hơn hoặc cao hơn 5% - 10% so với tổng nhu cầu dự báo, theo kinh nghiệm thực tế thiết kế và hoạt động của ngành cấp nước.

- Các nhà máy nước hiện nay đã được dự trù mở rộng cho tổng công suất toàn hệ thống là khoảng 3,6 triệu m³/ngđ. Tổng công suất này chỉ đáp ứng được trong khoảng 10 năm tới, đến giai đoạn 2030. Trong 20 năm tiếp theo, từ năm 2030 – 2050, hệ thống cần có thêm các nguồn cung cấp khoảng 2,4 triệu m³/ngđ cho Thành phố.

Cơ quan thực hiện: Công ty Cổ phần BOO Thủ Đức, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Tân Hiệp, Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Sài Gòn, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV.

1.4. Nguồn nước thô - an ninh nguồn nước

- Di dời dần điểm khai thác nước thô lên phía thượng lưu sông Sài Gòn và sông Đồng Nai.

- Kết hợp với việc xây dựng các hồ hoặc cụm hồ dự trữ nước thô, gia tăng an ninh, an toàn nguồn nước khi đối diện với các rủi ro và nhiễm mặn từ tác động của biến đổi khí hậu, cũng như các vấn đề ô nhiễm nguồn nước từ các hoạt động kinh tế xã hội của khu vực.

- Trong tương lai, các nhà máy nước hiện hữu và nhà máy mới sẽ được cung cấp nước thô trực tiếp từ hồ Dầu Tiếng, hồ Trị An. Ý tưởng di dời điểm khai thác nước thô về phía thượng lưu dần theo từng giai đoạn, kết hợp với việc xây dựng các cụm hồ trữ nước, với 2 mục đích chính:

+ Tránh hoặc hạn chế tối đa các tác động bất lợi của việc xâm nhập mặn và ô nhiễm nguồn nước (với vị trí di dời mới);

+ Giảm tiến độ huy động vốn, giảm việc tập trung vốn đầu tư trong giai đoạn đầu, qua đó tăng tính khả thi về vốn đầu tư, cũng như tăng hiệu quả tài chính của khoản đầu tư.

Cơ quan thực hiện: Công ty Cổ phần BOO Thủ Đức, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Tân Hiệp, Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Sài Gòn, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV.

1.5. Các nhà máy nước

Tùy thuộc vào khả năng sử dụng đất xây dựng nhà máy, cũng như các hồ chứa nước thô, hành lang các tuyến chuyển tải nước thô, nước sạch để xây dựng nhà máy nước. Dự kiến xây dựng nhà máy nước từ 2 hướng Đông, Tây của Thành phố như sau:

- Nhà máy nước Đông Thành phố: công suất 500.000 m³/ngđ, sử dụng nguồn nước sông Đồng Nai/hồ Trị An, dự kiến đưa vào hoạt động giai đoạn năm 2040. Vị trí nhà máy có thể đặt tại quận Thủ Đức hoặc Quận 9.

- Nhà máy nước Tây Thành phố: sử dụng nguồn nước sông Sài Gòn/hồ Dầu Tiếng, công suất giai đoạn 2040 là 500.000 m³/ngđ, công suất giai đoạn 2050 là 2.000.000 m³/ngđ. Vị trí nhà máy có thể đặt tại huyện Hóc Môn hoặc huyện Bình Chánh (ưu tiên vị trí tại huyện Bình Chánh gần phía miền Tây). Đi cùng với nhà máy này là cụm hồ trữ số 3, kết nối với các cụm hồ số 1 và 2.

Địa điểm cụ thể của các nhà máy mới, các cụm hồ trữ, cũng như vị trí, hướng tuyến chuyển tải nước thô, nước sạch của các nhà máy sẽ được nghiên cứu, lựa chọn trong các bước lập quy hoạch cấp nước, nghiên cứu tiền khả thi, nghiên cứu khả thi... trong thời gian tới.

Cơ quan thực hiện: Công ty Cổ phần BOO Thủ Đức, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Tân Hiệp, Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Sài Gòn, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV.

1.6. Công nghệ xử lý

- Việc lựa chọn dây chuyền công nghệ xử lý nước sẽ liên quan và phụ thuộc vào chất lượng nước thô từ nguồn khai thác, hay nói cách khác là phụ thuộc vào an ninh, an toàn nguồn nước.

- Theo dự báo, chất lượng nguồn nước thô đang ở xu hướng ô nhiễm về độ mặn, chất hữu cơ. Do đó, đề xuất 03 dây chuyền công nghệ để kiểm soát hiệu quả các công đoạn xử lý, đối với các biến đổi khó lường của chất lượng nước thô theo thời gian. Cụ thể:

+ Dây chuyền 1. Dây chuyền công nghệ truyền thống phổ biến, hiện đang được sử dụng.

+ Dây chuyền 2. Dây chuyền sử dụng lọc than hoạt tính, sử dụng cho nguồn nước bị ô nhiễm chất hữu cơ mức độ nhẹ đến vừa.

+ Dây chuyền 3. Dây chuyền sử dụng kết hợp lọc sinh học và lọc than hoạt tính, sử dụng cho nguồn nước bị ô nhiễm chất hữu cơ mức độ nặng.

Cơ quan thực hiện: Công ty Cổ phần BOO Thủ Đức, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Tân Hiệp, Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Sài Gòn, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV.

2. Chương trình cung cấp nước sạch và chấm dứt khai thác nước ngầm Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2030

2.1. Mục tiêu giai đoạn 2020 - 2025

- Tổng công suất hệ thống cấp nước là 2.900.000 m³/ngày (100.000 m³/ngày từ nguồn nước ngầm).

- Giảm tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch còn 18%.

- 100% hộ dân sử dụng nước sạch.

- Triển khai và hoàn thành quy hoạch cấp nước Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060.

- Cải tạo cấu trúc mạng lưới chuyển tải và phân phối.

- Phát triển hệ thống cấp nước thông minh.

- Lắp đặt thí điểm công trình cung cấp nước uống tại vòi ở các khu vực công cộng như công viên, trường học, bệnh viện...

2.2. Mục tiêu giai đoạn 2026 – 2030

- Tổng công suất hệ thống cấp nước 3.600.000 m³/ngđ (trong đó 100.000 m³/ngđ là nước ngầm).

- Tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch còn 15%.

- Tiếp tục duy trì 100% hộ dân sử dụng nước sạch.

- Hoàn tất việc di dời điểm khai thác nước thô lên phía thượng lưu.

- Phát triển mạng lưới đường ống đồng bộ với công suất mở rộng các nhà máy nước.

- Tiếp tục phát triển hệ thống cấp nước thông minh.

- Tiếp tục lắp đặt thí điểm công trình cung cấp nước uống tại vòi ở các khu vực công cộng như công viên, trường học, bệnh viện...

2.3. Giải pháp thực hiện

2.3.1. Mô hình quản lý cấp nước

- Xây dựng mô hình cấp nước theo hướng nhà nước quản lý chung ngành cấp nước Thành phố, chỉ cổ phần hóa các phần việc liên quan đến phần dịch vụ khách hàng hoặc các giai đoạn hỗ trợ khác.

- Thành phố hoặc đơn vị ủy quyền của Thành phố là chủ sở hữu đối với các công trình cấp nước.

- Xây dựng kế hoạch cổ phần các phần việc mà tư nhân có thể đảm nhận và làm tốt hơn nhà nước nhưng vẫn đảm bảo được sự xuyên suốt quản lý của nhà nước như dịch vụ khách hàng (đọc số, thu tiền, gắn đồng hồ nước...); quản lý vận hành nhà máy, vận hành hệ thống, vận hành mạng lưới...

Đơn vị thực hiện: Sở Nội vụ.

2.3.2. Các công trình khai thác và chuyển tải nước thô

- Di dời điểm khai thác nước thô lên phía thượng lưu so với điểm khai thác hiện tại Hòa Phú: vị trí mới cách trạm bơm Hòa Phú hiện hữu khoảng 15 - 20 km, cách ngã ba sông Thị Tính - sông Sài Gòn khoảng 10 - 15 km về thượng lưu. Điều này hạn chế tối đa các ảnh hưởng ô nhiễm nước thải sinh hoạt, sản xuất, nông nghiệp từ phía Bình Dương đổ vào sông Thị Tính.

- Khảo sát và xây dựng cụm hồ chứa nước thô số 1, với các hạng mục chính dự kiến:

+ Công trình thu nước sông Sài Gòn, công suất 1.000.000 m³/ngđ, chia làm 2 giai đoạn. Công suất mỗi giai đoạn 500.000 m³/ngđ.

+ Kênh (hoặc ống) dẫn nước về cụm hồ chứa.

+ Cụm hồ chứa, tổng dung tích 10 triệu m³/ngđ, diện tích đất sử dụng khoảng 200 ha.

+ Trạm bơm nước thô, công suất 1.000.000 m³/ngđ, chia làm 2 giai đoạn. Công suất mỗi giai đoạn 500.000 m³/ngđ.

+ Tuyến ống chuyển tải nước thô về hệ thống Hoà Phú - Tân Hiệp, dài khoảng 15 - 20km.

Cơ quan thực hiện: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn.

2.3.3. Mở rộng, nâng công suất các nhà máy nước

Ưu tiên mở rộng nâng công suất trước tại các nhà máy nước thuộc sở hữu nhà nước tại Thủ Đức, Tân Hiệp. Sau đó mới đến các nhà máy thuộc sở hữu tư nhân. Riêng nhà máy nước Tân Hiệp (Tân Hiệp 3) chỉ nâng công suất đồng bộ với việc hoàn thành xây dựng cụm hồ chứa số 1 và hạng mục nước thô liên quan.

Cơ quan thực hiện: Công ty Cổ phần BOO Thủ Đức, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Tân Hiệp, Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Sài Gòn, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV.

2.3.4. Xử lý bùn các nhà máy nước

- Nghiên cứu và lựa chọn công nghệ xử lý bùn.
- Xây dựng hệ thống xử lý bùn cho các nhà máy nước trên địa bàn Thành phố: Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Kênh Đông, BOO Thủ Đức, Thủ Đức.

Cơ quan thực hiện: Công ty Cổ phần BOO Thủ Đức, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Tân Hiệp, Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Sài Gòn, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV.

2.3.5. Cải tạo cấu trúc mạng lưới chuyển tải và phân phối

- Đảm bảo cấp nước an toàn theo Chương trình Quốc gia bảo đảm Cấp nước an toàn (Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ).

- Kiểm soát và điều phối được áp lực và lưu lượng tại bất cứ khu vực nào trong phạm vi cấp nước.

- Có khả năng dự trữ nước sạch, để dự phòng cấp nước trong trường hợp sự cố.
- Có khả năng khử trùng bổ sung, hạn chế tối đa việc tái ô nhiễm đường ống.
- Đồng thời kết hợp được và tối ưu hoá giảm thất thoát nước trên mạng lưới.

- Theo đó, mạng lưới được vận hành theo các vùng, khu vực áp lực. Trên mạng thiết lập các trạm bơm tăng áp cùng với các bể chứa nước sạch. Có nhiều thuật ngữ được sử dụng: bể chứa quy mô lớn, bể chứa quy mô nhỏ, bể chứa cấp I, bể chứa cấp II, nhà máy phân phối nước (WDP), hay trạm bơm tăng áp (chủ động),...

Cơ quan thực hiện: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn.

2.3.6. Giảm thất thoát thất thu nước sạch

- Giám sát cấp nước tại các khu vực đồng hồ tổng nhằm theo dõi nguồn cung nước hàng tuần.

- Đo tốc độ dòng chảy ban đêm nhằm xác định thất thoát nước vật lý hay thương mại.

- Thiết lập khu vực đồng hồ tổng (DMZ/DMA) nhằm xác định và giải quyết các điểm có tỷ lệ thất thoát cao.

- Lắp đặt van giảm áp để điều tiết áp lực.

- Thay thế đường ống bị rò rỉ, không đảm bảo yêu cầu.

Cơ quan thực hiện: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn.

2.3.7. Uống nước tại vòi

- Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng nước, vật liệu dùng trong ngành nước và quy trình kiểm soát.

- Lắp đặt các công trình cung cấp nước uống tại vòi tại các công trình công cộng như công viên, quảng trường, bệnh viện, trường học, cơ quan hành chính...

- Theo khảo sát, dự kiến lắp đặt từ 1.500 – 2.000 vị trí lắp đặt theo đề xuất của Ủy ban nhân dân các quận – huyện.

Cơ quan thực hiện: Sở Y tế, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn.

2.3.8. Hệ thống cấp nước thông minh

- Xây dựng giải pháp hệ thống thu thập dữ liệu, giám sát và điều khiển các quá trình từ xa (SCADA) cho nhà máy nước và trung tâm điều khiển phân phối (DCC) tích hợp với mô hình thủy lực, quản lý tài sản và hệ thống thông tin địa lý (GIS).

- Xây dựng các giải pháp xây dựng và tích hợp cho hệ thống thông tin quản lý (MIS), hệ thống thông tin tài chính (FIS), hệ thống quản lý và kiểm kê tài sản (AIMS).

Cơ quan thực hiện: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn.

2.3.9. Lộ trình hạn chế khai thác nước ngầm

Nhằm khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên nước dưới đất gắn với bảo vệ, hạn chế ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm

2018 về Kế hoạch giảm khai thác nước dưới đất và trám lấp giếng khai thác nước dưới đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025. Trong đó, để giảm khai thác nước ngầm, Thành phố thực hiện các giải pháp chính sau:

- Đối với đối tượng sử dụng nguồn nước ngầm trong các khu chế xuất - công nghiệp, và đối tượng sử dụng nguồn nước ngầm bên ngoài các khu chế xuất - công nghiệp không phải hộ gia đình: giảm khai thác nước dưới đất theo chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố và theo Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch giảm khai thác nước dưới đất và trám lấp giếng khai thác nước dưới đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025.

- Đối với các đơn vị cấp nước: ngừng khai thác các trạm tại các khu vực đã có mạng cấp nước của Thành phố.

Sau năm 2025, tiếp tục duy trì tổng lượng khai thác nước dưới đất trên địa bàn Thành phố là 100.000 m³/ngày nhằm đảm bảo cấp nước an toàn cho Thành phố (các nguồn này duy trì để vận hành, bảo trì nhà máy).

Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2021

CHỈ THỊ

Về việc phát động phong trào thi đua yêu nước năm 2021

Từ đầu năm 2020 đến nay, đại dịch Covid-19 đã lan truyền trên diện rộng, tốc độ lây nhiễm nhanh, diễn biến phức tạp đã tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Trong tình hình hết sức khó khăn, nhưng với sự phối hợp đồng bộ của cả hệ thống chính trị, sự đồng lòng, chung sức của Nhân dân, các doanh nghiệp, ra sức thi đua thực hiện “nhiệm vụ kép”, vừa thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống dịch, vừa phải duy trì và phát triển các hoạt động sản xuất - kinh doanh. Với những nỗ lực đó, Thành phố cùng với cả nước đã đạt được những thắng lợi to lớn trong công tác phòng chống đại dịch Covid-19 và kinh tế Thành phố dù tăng trưởng thấp nhưng vẫn đạt được những kết quả đáng ghi nhận: Kinh tế Thành phố tăng trưởng 1,39% so với cùng kỳ; có 7/9 ngành dịch vụ chủ yếu có giá trị gia tăng cao hơn so với cùng kỳ; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 4%,

kim ngạch nhập khẩu tăng 1% so với cùng kỳ. Tổng thu ngân sách đạt 91,51% dự toán; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước chiếm 35% tổng GRDP. Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,66%, giá trị sản xuất ước tăng 2,2% so với cùng kỳ,...

Năm 2021, là năm có ý nghĩa rất quan trọng, năm diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, là năm đầu tiên triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025) tầm nhìn 2030; thực hiện Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. Để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh

tế - xã hội năm 2021 và những năm tiếp theo; với tinh thần “Đổi mới - sáng tạo, thi đua xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh, hiện đại”; đồng thời, thực hiện có hiệu quả các chương trình trọng điểm, chương trình đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI đề ra và chủ đề năm 2021 của Thành phố **“Năm xây dựng chính quyền đô thị và cải thiện môi trường đầu tư”**.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đoàn thể Thành phố, Tổng công ty, công ty trực thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn Thành phố tổ chức phát động thi đua, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Tiếp tục quán triệt, triển khai, tuyên truyền và tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng, cụ thể như sau: Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 25-CT/TU ngày 12 tháng 8 năm 2014 của Ban Thường vụ Thành ủy về đổi mới công tác thi đua, khen thưởng; nhất là quán triệt sâu sắc tư tưởng thi đua ái quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh để công tác thi đua, khen thưởng thực sự là động lực, biện pháp góp phần tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh; xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh phát triển nhanh, bền vững, vì cả nước, cùng cả nước, vì hạnh phúc của Nhân dân. Triển khai nội dung phát động thi đua của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ X gắn với các phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng Nông thôn mới”; “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; “Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển”; “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở”,...

2. Việc đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, tiêu chí trong phong trào thi đua phải phát huy được sức mạnh, tiềm năng sáng tạo to lớn của các tầng lớp nhân dân Thành phố gắn với việc triển khai thực hiện hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2021. Trong đó, tập trung nâng cao chất lượng phong trào thi đua triển khai thực hiện 51 chương trình, đề án của các sở, ban, ngành, nhằm hoàn thành 03 chương trình đột phá, 01 chương trình trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra. Các phong trào thi đua cần xây dựng các nội dung, tiêu chí cụ thể, rõ ràng, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, giám sát; huy động được sự tham gia đông đảo và sự hưởng ứng tích cực của quần chúng nhân dân.

3. Tập trung triển khai phong trào thi đua thực hiện chủ đề năm 2021 của Thành phố **“Năm xây dựng chính quyền đô thị và cải thiện môi trường đầu tư”**, gắn với phong trào thi đua xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; phong trào thi đua thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về Cuộc vận động “Người dân Thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước”; Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Thành ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về trật tự đô thị; phong trào thi đua quyết thắng của Lực lượng Vũ trang và các phong trào thi đua theo chuyên đề, theo đợt và giai đoạn

trên các lĩnh vực văn hóa - xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, khoa học - kỹ thuật, quốc phòng - an ninh, đối ngoại,...

4. Chú trọng tổ chức phát động phong trào thi đua cao điểm trong công tác tổ chức bầu cử Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; phong trào thi đua đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính; thực hiện tốt các giải pháp, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, ưu tiên phát triển công nghệ số trong đổi mới sáng tạo, trong lĩnh vực cải cách hành chính, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số Cải cách hành chính cấp tỉnh (PAR INDEX) nhằm nâng cao hiệu quả, phục vụ tốt nhất nhu cầu của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo yêu cầu công khai, minh bạch, thuận tiện, thân thiện, hiện đại, gắn với thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội và các Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua, tạo động lực để Thành phố phát triển nhanh, bền vững.

5. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, truyền thống thi đua yêu nước gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Thành phố. Tuyên truyền các hoạt động, phong trào thi đua lập thành tích chào mừng thành công Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, bầu cử Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; phát hiện, tuyên truyền nhân rộng các gương người tốt, việc tốt, điển

hình tiên tiến, các mô hình, giải pháp sáng tạo, nhằm tạo sự lan tỏa rộng lớn trong phong trào thi đua, phong trào hành động cách mạng của quần chúng nhân dân trên địa bàn Thành phố.

6. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về thi đua, khen thưởng; nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong tổ chức phát động để phong trào thi đua luôn đổi mới, sáng tạo, thực chất và mang lại hiệu quả thiết thực. Nâng cao chất lượng công tác khen thưởng; bảo đảm khen thưởng chính xác, kịp thời, công khai, minh bạch, có tác dụng giáo dục, nêu gương; chú trọng khen thưởng cho cơ sở, các tập thể nhỏ, công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp có nhiều sáng tạo trong công tác, chiến đấu, lao động sản xuất.

7. Duy trì và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động cụm, khối thi đua từ Thành phố đến cơ sở, bảo đảm các hoạt động đi vào chiều sâu, hiệu quả và đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và sinh hoạt chuyên đề nhằm chia sẻ kinh nghiệm, mô hình, giải pháp sáng tạo, cách làm hay, tạo sự lan tỏa rộng lớn trong phong trào thi đua của Thành phố và cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp.

8. Tổ chức thực hiện:

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, Tổng công ty, công ty, các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện xây dựng kế hoạch phát động phong trào thi đua tại đơn vị trên tinh thần cụ thể hóa những nội dung của Chỉ thị. Tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết và biểu dương khen thưởng kịp thời để động viên các nhân tố mới, những tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; báo cáo định kỳ tiến độ thực hiện và kết quả của phong trào thi đua theo quy định về Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ)).

b) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các đoàn thể chính trị xã hội và các tổ chức xã hội nghề nghiệp chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền các cấp, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân để tích cực tham gia hưởng ứng các phong trào thi đua của Thành phố. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tham gia hưởng ứng phong trào thi đua, phát hiện, xây dựng, nhân rộng các công trình, mô hình và nhân tố

mới, điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt, tấm gương thầm lặng mà cao cả nhằm kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân và đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định.

c) Cấp ủy Đảng, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp phối hợp tổ chức vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động xây dựng công sở văn minh sạch đẹp, an toàn; vận động Nhân dân tích cực xây dựng khu phố, ấp văn hóa góp phần xây dựng “Thành phố Hồ Chí Minh có chất lượng sống tốt văn minh, hiện đại, nghĩa tình”.

d) Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan báo, đài của Thành phố và địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền cổ động về phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2021, chào mừng thành công Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XI, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, bầu cử Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; kịp thời nêu gương người tốt, việc tốt, gương điển hình tiên tiến và nhân tố mới trong phong trào thi đua yêu nước của Thành phố trên các chuyên trang, chuyên mục của báo chí, Đài Truyền hình Thành phố, Đài Tiếng nói Nhân dân Thành phố.

đ) Cụm trưởng, Khối trưởng các cụm, khối thi đua thuộc Thành phố xây dựng kế hoạch triển khai nội dung giao ước thi đua năm 2021 và tổ chức các hoạt động cụm, khối thi đua theo quy định. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tổ chức, triển khai phong trào thi đua, công tác quản lý Nhà nước về thi đua, khen thưởng đối với các đơn vị thành viên thuộc cụm, khối thi đua và các cụm, khối thi đua trực thuộc, báo cáo định kỳ sơ kết 6 tháng và tổng kết năm theo quy định.

e) Giao Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) tổ chức triển khai, theo dõi việc thực hiện Chỉ thị; đồng thời có nhiệm vụ phối hợp với các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết, báo cáo thường xuyên, kịp thời về tình hình, tiến độ triển khai và kết quả thực hiện phong trào thi đua của các cơ quan, đơn vị cho Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định; giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố thẩm định thành tích để xem xét biểu dương, khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng chính xác, kịp thời đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đóng góp tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, Tổng công ty, công ty, các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị, báo cáo định kỳ 06 tháng và tổng kết năm cho Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ))./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2021

CHỈ THỊ

Về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 133/2020/QH14 về Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; theo đó, ngày bầu cử sẽ được tiến hành vào Chủ nhật, ngày 23 tháng 5 năm 2021.

Bên cạnh đó, trên địa bàn Thành phố cùng lúc triển khai thực hiện Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh, Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 là sự kiện chính trị, có ý nghĩa quan trọng đối với cả nước và từng địa phương; được tổ chức vào thời điểm kế thừa 35 năm đổi mới, đất nước đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, toàn diện trong giai đoạn 2016 - 2020 với những dấu ấn nổi bật trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế nhưng cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo; triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021 - 2030 đã và đang đặt ra các yêu cầu mới cao hơn đối với tổ chức, hoạt động của Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Cùng với Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp lần này được Đảng, Quốc hội, Chính phủ xác định là những nhiệm vụ chính trị trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị trong năm 2021; là đợt

vận động và sinh hoạt dân chủ sâu rộng trong mọi tầng lớp Nhân dân để lựa chọn, bầu được những đại biểu ưu tú, đại diện cho Nhân dân cả nước tại Quốc hội khóa XV, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và các đại biểu đại diện cho Nhân dân địa phương tại Hội đồng nhân dân các cấp, cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương trong nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Để cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 được tổ chức bảo đảm dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm và thực sự là ngày hội của toàn dân; tạo điều kiện thuận lợi nhất để Nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của mình trong việc lựa chọn, giới thiệu, bầu người có đủ đức, đủ tài, xứng đáng đại diện cho Nhân dân cả nước tại Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ thị:

1. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan có kế hoạch chỉ đạo triển khai cụ thể và hướng dẫn các cơ quan truyền thông quận - huyện tổ chức tuyên truyền kịp thời, sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và Nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc bầu cử; quyền ứng cử, quyền bầu cử của công dân theo quy định của Hiến pháp; Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và các nội dung cơ bản của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; góp phần nâng cao ý thức làm chủ, tinh thần tự giác của mọi công dân, cơ quan, tổ chức trong thực hiện công tác bầu cử. Xây dựng phần mềm về công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; chủ trì và phối hợp với Sở Nội vụ triển khai phần mềm về công tác bầu cử.

2. Cục Thống kê Thành phố hướng dẫn Chi cục Thống kê các quận - huyện cung cấp số liệu dân số đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 của từng quận - huyện và từng phường - xã, thị trấn để làm căn cứ tính số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; chia tổ bầu cử và số lượng cử tri.

3. Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông, Tổng Công ty Điện lực Thành phố có kế hoạch chỉ đạo triển khai, phương án cụ thể, nhằm bảo đảm giao thông, thông tin liên lạc và cung cấp điện thông suốt trong quá trình chuẩn bị, tổ chức bầu cử, đặc biệt trước và trong ngày bầu cử 23 tháng 5 năm 2021.

4. Bộ Tư lệnh Thành phố, Công an Thành phố, Phòng Cảnh sát phòng cháy,

chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Thành phố có phương án triển khai lực lượng bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trong suốt quá trình chuẩn bị, tổ chức cuộc bầu cử, đặc biệt chú trọng bảo đảm an ninh, trật tự tại những địa bàn trọng điểm, khu vực trọng yếu về quốc phòng, an ninh; chỉ đạo và hướng dẫn các lực lượng quân đội, công an tham gia cuộc bầu cử.

5. Sở Tài chính bố trí kinh phí phục vụ kịp thời cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021; hướng dẫn việc lập dự toán, quyết toán và kiểm tra việc sử dụng kinh phí bầu cử; bảo đảm kinh phí được sử dụng đúng mục đích, yêu cầu, tiết kiệm và hiệu quả.

6. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi tình hình, tiếp tục thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phòng chống đại dịch COVID-19; chủ động xây dựng các phương án nhằm kịp thời ứng phó với những tình huống dịch bệnh có thể xảy ra ở một số khu vực trong thời gian chuẩn bị và tổ chức bầu cử.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các phương án chủ động đối phó với những tình huống thiên tai có thể xảy ra trong thời gian chuẩn bị và tổ chức bầu cử.

8. Thanh tra Thành phố chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố hướng dẫn việc kê khai tài sản đối với người tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; tập trung chỉ đạo giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo của công dân trước, trong và sau thời gian tiến hành bầu cử.

9. Sở Nội vụ là cơ quan thường trực, có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trong tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác bầu cử; chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn thực hiện các quy định của pháp luật về bầu cử và các văn bản hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố nhiệm kỳ 2021 - 2026, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố về thực hiện công tác bầu cử. Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan liên quan; theo dõi tình hình

chuẩn bị, tiến độ thực hiện công tác bầu cử ở các quận - huyện, phường - xã, thị trấn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố nhiệm kỳ 2021 - 2026, Ủy ban nhân dân Thành phố; giúp Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia theo tiến độ quy định của pháp luật về bầu cử.

10. Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn và Thường trực Hội đồng nhân dân xã - thị trấn căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn pháp luật quy định, tổ chức thực hiện cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo đúng chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố; Kế hoạch tổ chức bầu cử của Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân Thành phố nhiệm kỳ 2021 - 2026, hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các Sở - ngành; chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện công tác bầu cử, bảo đảm tiến độ thời gian các bước tiến hành quy trình hiệp thương góp ý đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; trình tự các bước tiến hành công tác bầu cử và công việc chuẩn bị cho ngày bầu cử theo quy định của pháp luật.

11. Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn chủ động phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, các cơ quan liên quan trong việc giám sát, kiểm tra và thực hiện công tác bầu cử. Chỉ đạo các cơ quan quân đội, công an, y tế ở địa phương xây dựng các kế hoạch, biện pháp cụ thể nhằm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn và tại các địa điểm bỏ phiếu; bảo đảm cho cuộc bầu cử được diễn ra an toàn, đúng pháp luật; xây dựng phương án dự phòng bảo đảm cuộc bầu cử được tiến hành liên tục, không bị gián đoạn.

12. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức, thực hiện cuộc bầu cử theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015; thực hiện các hướng dẫn của Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố nhiệm kỳ 2021 - 2026, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các Sở - ngành Thành phố. Phối hợp chặt chẽ với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp trong việc tổ chức thực hiện cuộc bầu cử.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Giám đốc Sở - ngành, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn,

Thường trực Hội đồng nhân dân xã, thị trấn trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, khẩn trương triển khai công tác chuẩn bị, tổ chức cuộc bầu cử; kịp thời gửi báo cáo đến Sở Nội vụ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố theo tiến độ triển khai từng giai đoạn của cuộc bầu cử, bảo đảm cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 thành công tốt đẹp./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng